

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Ngọc Anh

Mã SV: 1412401062

Lớp: QT 1806K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Nam Hà

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ **Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2016 tại Công ty Cổ phần Thương mại Nam Hà.**
.....
.....
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - ✓ **Công ty Cổ phần Thương mại Nam Hà.**
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Nam Hà.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng..... năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

DANH MỤC HỆ THỐNG BẢNG BIỂU

Biểu 2.1	Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong ba năm gần đây	39
Biểu 2.2	Hóa đơn GTGT số 0001897 ngày 04/12/2016	47
Biểu 2.3	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	48
Biểu 2.4	Trích Sổ cái 511 năm 2016	49
Biểu 2.5	Phiếu xuất kho 2412	51
Biểu 2.6	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	52
Biểu 2.7	Trích sổ cái 632 năm 2016	53
Biểu 2.8	Hóa đơn GTGT số 000317 ngày 14/12/2016	56
Biểu 2.9	Phiếu chi số 289 ngày 14/12/2016	57
Biểu 2.10	Phiếu thu phí dịch vụ ngày 14/12/2016	58
Biểu 2.11	Sổ phụ T12 ngân hàng ACB	59
Biểu 2.12	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	60
Biểu 2.13	Trích sổ cái TK 6421 năm 2016	61
Biểu 2.14	Trích sổ cái TK 6422 năm 2016	62
Biểu 2.15	Chứng từ giao dịch ngày 31/12/2016	64
Biểu 2.16	Sổ phụ ngân hàng Agribank tháng 12	65
Biểu 2.17	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	66
Biểu 2.18	Trích sổ cái TK 515 năm 2016	67
Biểu 2.19	Phiếu chuyển khoản trả nợ vay	69
Biểu 2.20	Sổ phụ ngân hàng ACB tháng 12	70
Biểu 2.21	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	71
Biểu 2.22	Trích sổ cái TK 635 năm 2016	72
Biểu 2.23	Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	74
Biểu 2.24	Phiếu kế toán số 02	75
Biểu 2.25	Phiếu kế toán số 03	75
Biểu 2.26	Phiếu kế toán số 05	76
Biểu 2.27	Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	77
Biểu 2.28	Trích sổ cái TK 911 năm 2016	78
Biểu 3.1	Sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2016	87
Biểu 3.2	Sổ chi tiết giá vốn hàng bán tháng 12/2016	88
Biểu 3.3	Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng tháng 12/2016	89
Biểu 3.3	Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán tháng 12/2016	90
Biểu 3.3	Bảng xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng T12/2016	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)	11
Sơ đồ 1.2	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	12
Sơ đồ 1.3	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	14
Sơ đồ 1.4	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu ((trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)	15
Sơ đồ 1.5	Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)	18
Sơ đồ 1.6	Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai định kỳ)	19
Sơ đồ 1.7	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	21
Sơ đồ 1.8	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.9	Kế toán chi phí tài chính	25
Sơ đồ 1.10	Kế toán thu nhập khác	27
Sơ đồ 1.11	Kế toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.12	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	30
Sơ đồ 1.13	Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng theo hình thức kế toán Nhật ký chung	33
Sơ đồ 1.14	Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	34
Sơ đồ 1.15	Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	35
Sơ đồ 1.16	Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng theo hình thức kế toán trên máy vi tính	36
Sơ đồ 2.1	Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP Thương mại Nam Hà	40
Sơ đồ 2.2	Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP Thương mại Nam Hà	42
Sơ đồ 2.3	Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty CP Thương mại Nam Hà	44
Sơ đồ 2.4	Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp DV tại công ty CP Thương mại Nam Hà	46
Sơ đồ 2.5	Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty CP Thương mại Nam Hà	50
Sơ đồ 2.6	Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	55
Sơ đồ 2.7	Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà	63
Sơ đồ 2.8	Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà	68
Sơ đồ 2.9	Sơ đồ quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	73
Sơ đồ 3.1	Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán	85

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THEO NHỎ VÀ VỪA	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	2
<i>1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i>	2
<i>1.1.2 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	2
<i>1.1.3 Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	3
<i>1.1.3.1 Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu</i>	3
<i>1.1.3.2 Chi phí</i>	5
<i>1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh</i>	8
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	9
<i>1.2.1 Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	9
<i>1.2.1.1 Chứng từ sử dụng</i>	9
<i>1.2.1.2 Tài khoản sử dụng</i>	9
<i>1.2.1.3 Phương pháp hạch toán</i>	10
<i>1.2.2 Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	12
<i>1.2.2.1 Chứng từ sử dụng</i>	12
<i>1.2.2.2 Tài khoản sử dụng</i>	12
<i>1.2.2.3 Phương pháp hạch toán</i>	14
<i>1.2.3 Công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	15
<i>1.2.3.1 Chứng từ sử dụng</i>	15
<i>1.2.3.2 Tài khoản sử dụng</i>	15
<i>1.2.3.3 Phương pháp hạch toán</i>	18
<i>1.2.4 Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	19
<i>1.2.4.1 Chứng từ sử dụng</i>	19
<i>1.2.4.2 Tài khoản sử dụng</i>	20
<i>1.2.4.3 Phương pháp hạch toán</i>	20
<i>1.2.5 Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	22
<i>1.2.5.1 Chứng từ sử dụng</i>	22
<i>1.2.5.2 Tài khoản sử dụng</i>	22
<i>1.2.5.3 Phương pháp hạch toán</i>	22
<i>1.2.6 Công tác kế toán chi phí tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	23
<i>1.2.6.1 Chứng từ sử dụng</i>	23
<i>1.2.6.2 Tài khoản sử dụng</i>	24
<i>1.2.6.3 Phương pháp hạch toán</i>	24
<i>1.2.7 Công tác kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	26
<i>1.2.7.1 Chứng từ sử dụng</i>	26
<i>1.2.7.2 Tài khoản sử dụng</i>	26

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán	26
1.2.8 Công tác kế toán chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	27
1.2.8.1 Chứng từ sử dụng	27
1.2.8.2 Tài khoản sử dụng	27
1.2.8.3 Phương pháp hạch toán	29
1.2.9 Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	28
1.2.9.1 Chứng từ sử dụng	28
1.2.9.2 Tài khoản sử dụng	29
1.2.9.3 Phương pháp hạch toán	30
1.2.10 Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	31
1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	32
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	32
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	33
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	35
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ	37
2.1 Khái quát chung về Công ty CP Thương mại Nam Hà	37
2.1.1 Tên, địa chỉ, quy mô của Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà	37
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Thương mại Nam Hà	37
2.1.3 Thuận lợi và khó khăn của Công ty CP Thương mại Nam Hà	38
2.1.4 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Thương mại Nam Hà	40
2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty CP Thương mại Nam Hà	42
2.1.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	42
2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty	43
2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty	45
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Nam Hà	45
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP Thương mại Nam Hà	45
2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	45
2.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	45
2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	45
2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	45
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty CP Thương mại Nam Hà	50
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP Thương mại Nam Hà	50
2.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	50
2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	50
2.2.3.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	50
2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty	50
2.2.4 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	54
2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	54
2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	54

2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	54
2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	54
2.2.5 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà	63
2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	63
2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	63
2.2.5.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	63
2.2.5.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty	63
2.2.6 Thực trạng công tác kế toán chi phí tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà	67
2.2.6.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	67
2.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	67
2.2.6.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	67
2.2.6.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí tài chính tại công ty	67
2.2.7 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác tại công ty CP Thương mại Nam Hà	72
2.2.8 Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại công ty CP Thương mại Nam Hà	72
2.2.9 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	72
2.2.9.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	72
2.2.9.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	72
2.2.9.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	73
2.2.9.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí tài chính tại công ty	73
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ	79
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	79
3.1.1 Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	79
3.1.2 Nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	81
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	82
3.2.1 Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	82
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	83
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà	84
3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận của từng mặt hàng	84
3.2.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên hạch toán một số tài khoản theo đúng quy định kế toán	92
3.2.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty nên tìm cách đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu	93
3.2.3.4 Ý kiến thứ tư: Công ty nên hạch toán tiền thuế GTGT của các khoản phí chuyển tiền	94
3.2.3.5 Ý kiến thứ năm: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán	99
KẾT LUẬN	100

LỜI NÓI ĐẦU

Với sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp đang gặp sự cạnh tranh gay gắt và ngày càng rõ nét, đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn nhận thức, đánh giá được tiềm năng của doanh nghiệp mình trên thị trường để có thể tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển, để đạt được điều đó thì Kế toán là một bộ phận không thể thiếu trong cấu thành doanh nghiệp. Có thể nói Kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản lý, nó không ngừng phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp mà nó còn phản ánh tình hình chi phí, lợi nhuận hay kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản lý nắm bắt được. Trong đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chiếm vai trò rất quan trọng trong công tác kế toán, công tác quản lý và sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có quyết định đúng đắn trong quản lý kinh doanh. Nhận thức được tầm quan trọng trên, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà”** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2: Thực trạng công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà.

Bài khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, tạo điều kiện của ban lãnh đạo Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của Cô giáo - Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương. Tuy nhiên do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý chỉ bảo của thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Anh

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận vô cùng quan trọng cấu thành kế toán doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp: Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hay nói cách khác, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho các nhà quản trị trong quá trình quản lý và phát triển của doanh nghiệp.

1.1.2 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ *Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa ở khâu tiêu thụ từng mặt hàng, từng nhóm hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý về việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã, ... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí, từ đó xác định kết quả kinh doanh

- Theo dõi thường xuyên, liên tục biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Xác định quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1 Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Khái niệm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong năm, phát sinh từ các hoạt động tiêu thụ hàng hóa, bán sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Điều kiện ghi nhận và các hình thức tiêu thụ:

- Điều kiện ghi nhận:
 - ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Các hình thức tiêu thụ:
 - ✓ Phương pháp bán hàng trực tiếp cho khách hàng.
 - ✓ Phương pháp bán hàng qua đại lý.
 - ✓ Phương pháp bán hàng trả chậm, trả góp.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

- Khái niệm: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Điều kiện ghi nhận và cơ sở xác nhận định:

- Điều kiện ghi nhận:
 - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở
 - ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận

c) Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng

hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

+ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:* là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

d) Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.3.2 Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

a) Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là trị giá ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí mua phân bổ cho hàng hóa tiêu thụ.

b) Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

c) Chi phí quản lý kinh doanh: Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).
- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.
- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi

phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

d) Chi phí khác:

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn

liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

a) Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh:

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản lí} \\ \text{kinh doanh} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết} \\ \text{khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại,} \\ \text{thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT} \\ \text{tính theo phương pháp trực tiếp).} \end{array}$$

b) Lợi nhuận hoạt động tài chính:

Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

c) Lợi nhuận từ hoạt động khác:

Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

⇒ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\begin{array}{l}
 \checkmark \quad \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{hoạt động} \\ \text{SXKD} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{khác} \end{array} \\
 \\
 \checkmark \quad \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}
 \end{array}$$

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1 Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ đi kèm làm căn cứ để kế toán hạch toán, ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu ...
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có): Hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ, ...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

- Các TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

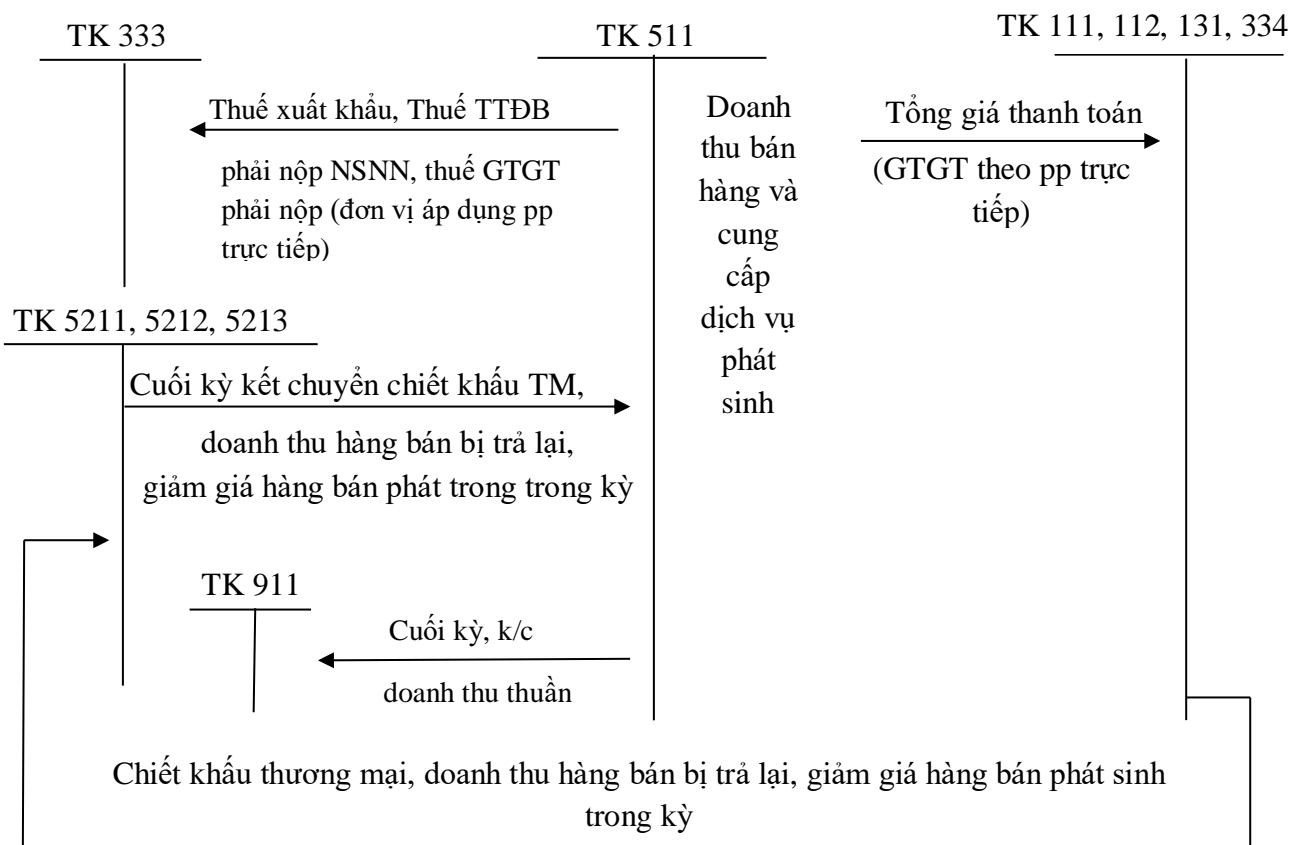
- TK 5118: Doanh thu khác
- Kết cấu của TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Số thuế TTĐB, thuế NK phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911		- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

* Doanh thu bán hàng và cấp dịch vụ không có số dư cuối kỳ

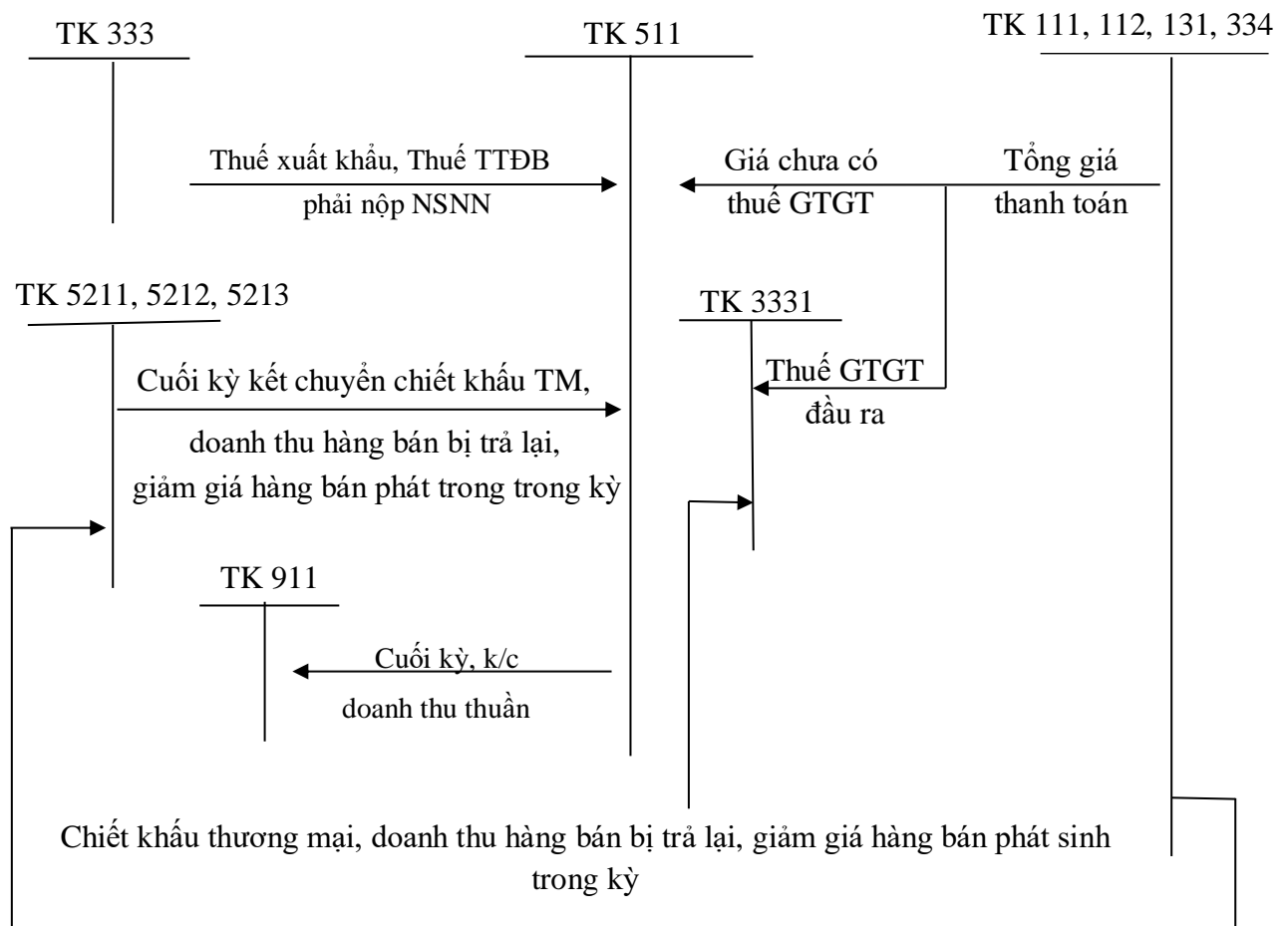
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

a) Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau:



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

b) Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được khái quát qua sơ đồ 1.2:



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

1.2.2 Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ đi kèm làm căn cứ để kế toán hạch toán, ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi ...
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có): Phiếu nhập, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ, ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại

- Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ
- Kết cấu TK 5211

Nợ	TK 5211	Có
- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ		- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

- TK 5211 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại**

- Dùng để phản ánh trị giá số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đơn giá ghi trên hóa đơn)

- Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào chi phí 6421 - Chi phí bán hàng

- Trường hợp hàng bán bị trả vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thì kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ sau, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ sau.

- Kết cấu TK 5212

Nợ	TK 5212	Có
- Trị giá hàng bán đã bị trả lại hoặc trừ vào nợ phải thu		- Cuối kỳ kết chuyển số tiền trị giá hàng bán bị trả lại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

- TK 5212 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 5213: Giảm giá hàng bán**

- Dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kế toán

- Kết cấu TK 5213

Nợ	TK 5213	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ		- Cuối kỳ kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

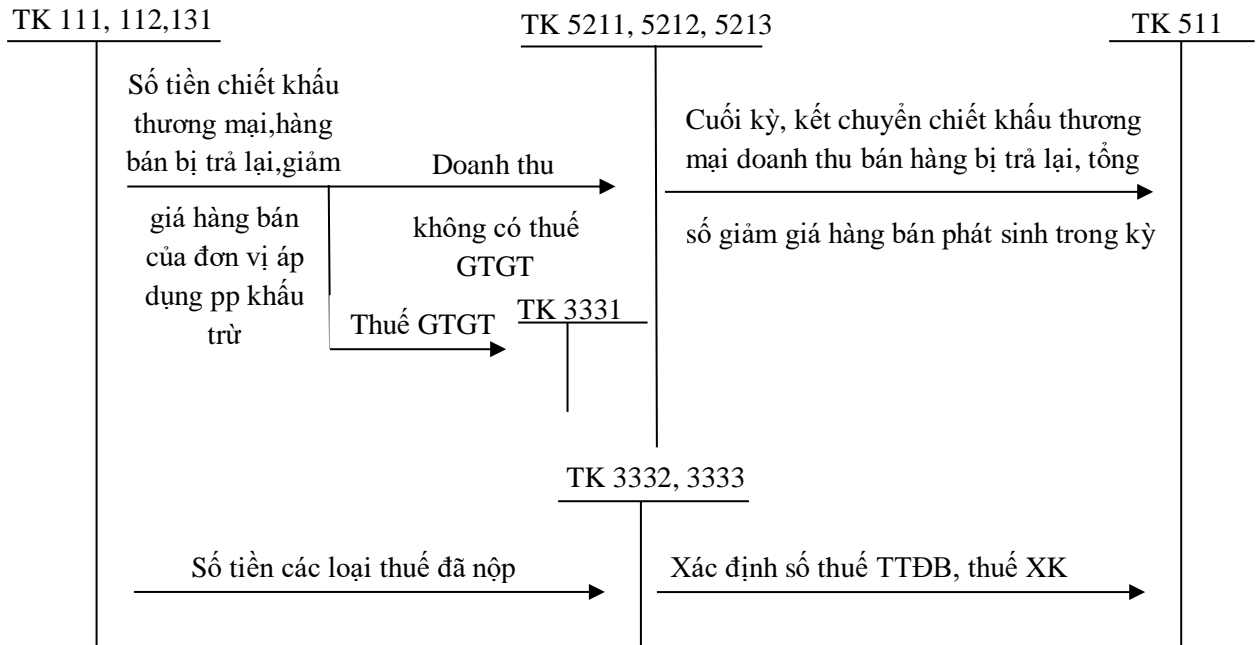
- TK 5213 không có số dư cuối kỳ

➤ Ngoài ra, các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu còn có :

- ✓ TK 3331: Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp
- ✓ TK 3333: Thuế xuất khẩu
- ✓ TK 3332: Thuế tiêu thu đặc biệt

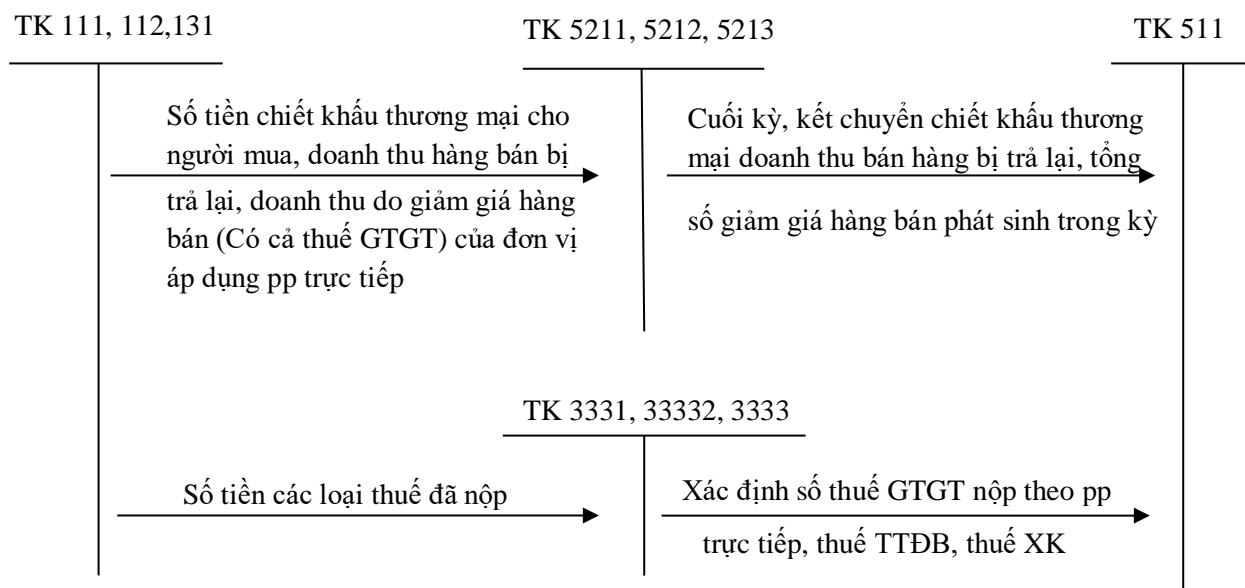
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

a) Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) được khái quát qua sơ đồ 1.3 sau:



Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

b) Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp) được khái quát qua sơ đồ 1.4 sau:



Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

1.2.3 Công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

Để theo dõi, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho gửi đại lý
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: TK 632 – Giá vốn hàng bán

* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ sử dụng tài khoản: TK 631- Giá thành sản xuất

TK 632 – Giá vốn hàng bán

- **TK 632: Giá vốn hàng bán:** phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất bán ra trong kỳ.

* Kết cấu TK 632

- ✓ Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. - Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Σ Phát sinh Nợ	Σ Phát sinh Có	

- TK 632 không có số dư cuối kỳ
- ✓ Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ. - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	
Σ Phát sinh Nợ	Σ Phát sinh Có	

- TK 632 không có số dư cuối kỳ
- **TK 631 - Giá thành sản xuất:** phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Kết cấu TK 631

Nợ	TK 631	Có
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ. - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.		- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 - Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

*** Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

✓ **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ**

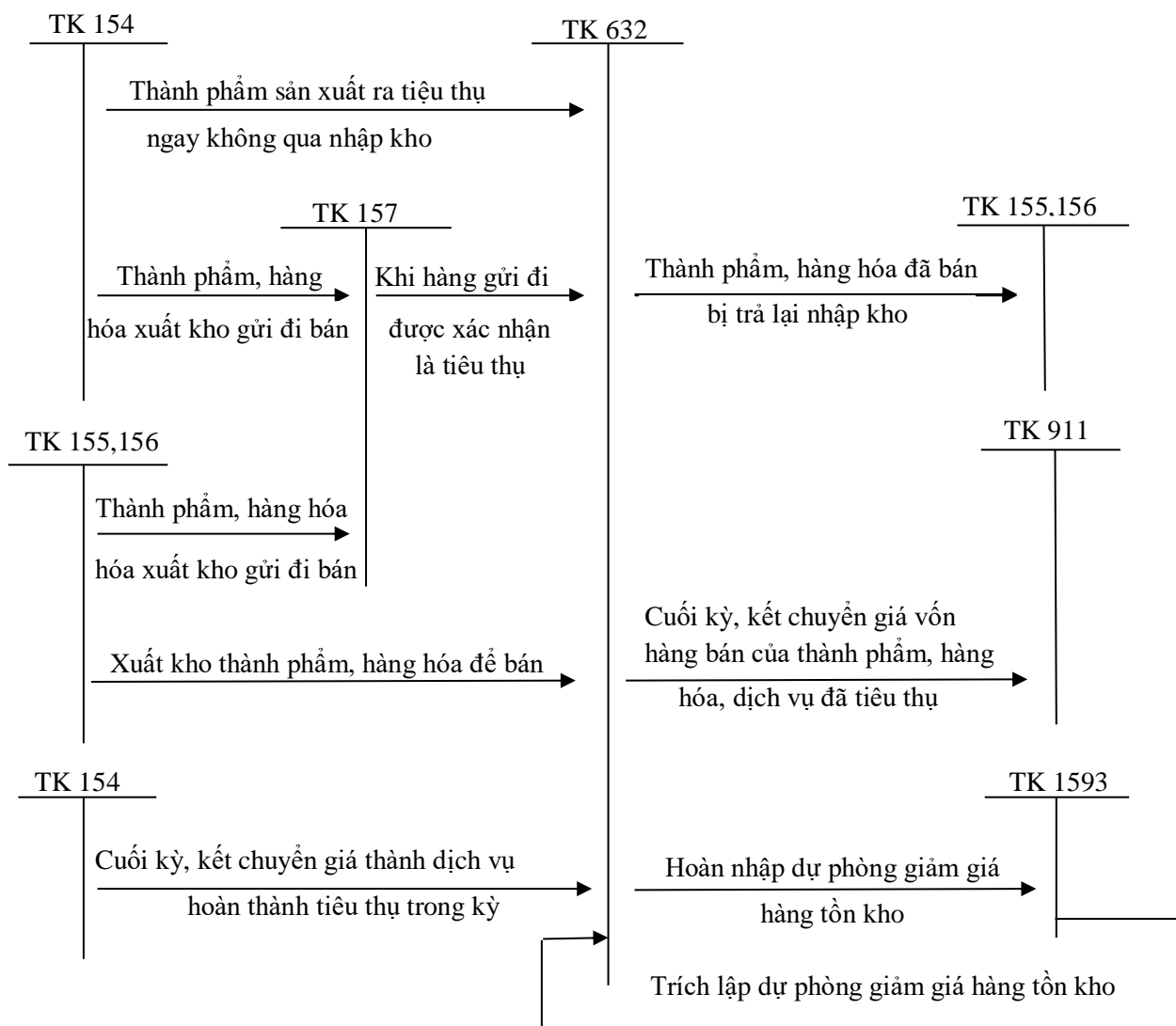
$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập}_i}$$

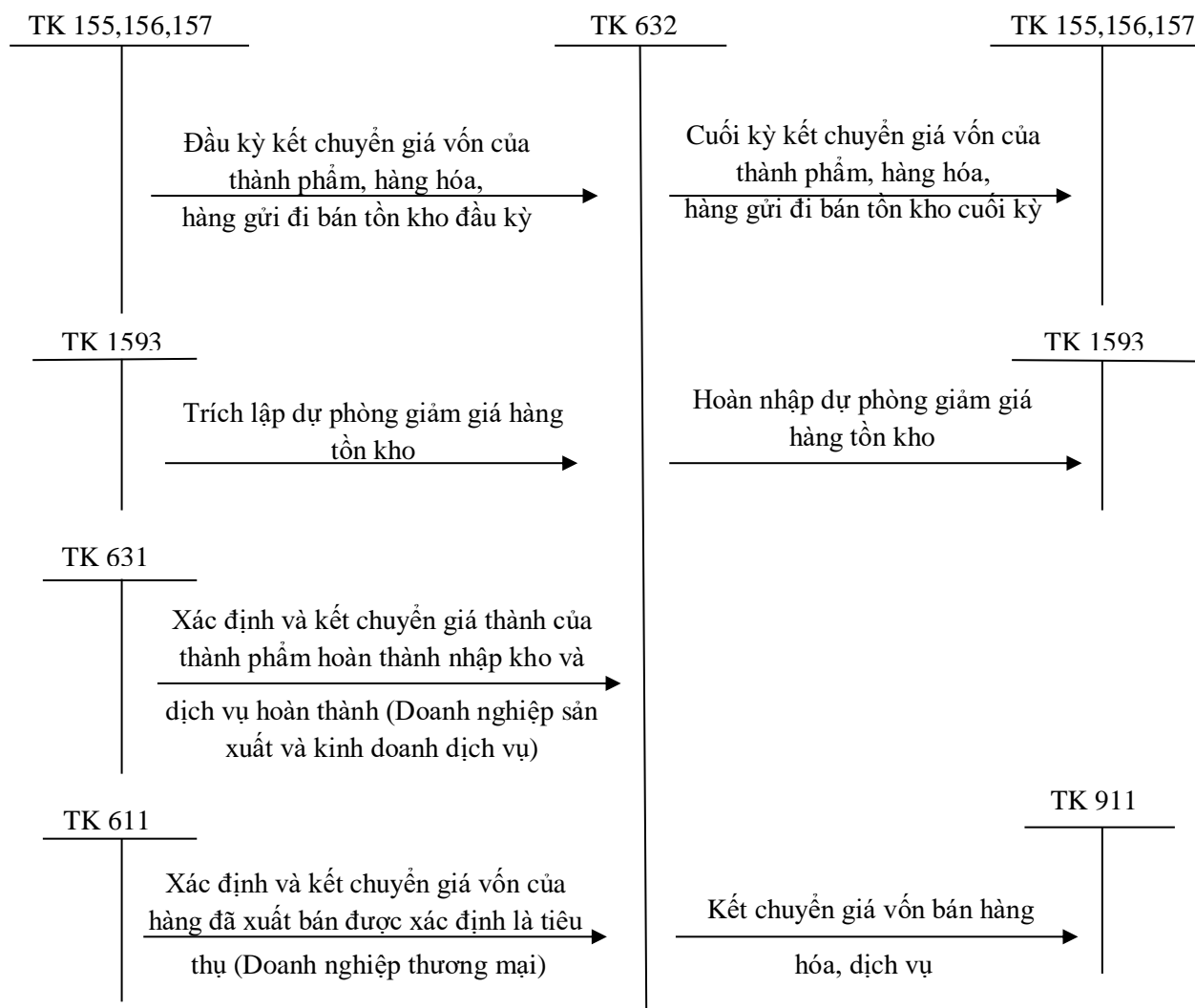
1.2.3.3 Quy trình hạch toán

- ✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.5 sau:



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

- ✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai định kỳ được khái quát qua sơ đồ 1.6 sau:
- ✓



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai định kỳ)

1.2.4 Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán...
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ,...
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh:**

Có 2 tài khoản cấp 2

- TK 6421: Chi phí bán hàng

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Trong đó:

- **Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng:** phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

- Kết cấu TK 6421:

Nợ	TK 6421	Có
- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.		- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ - Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

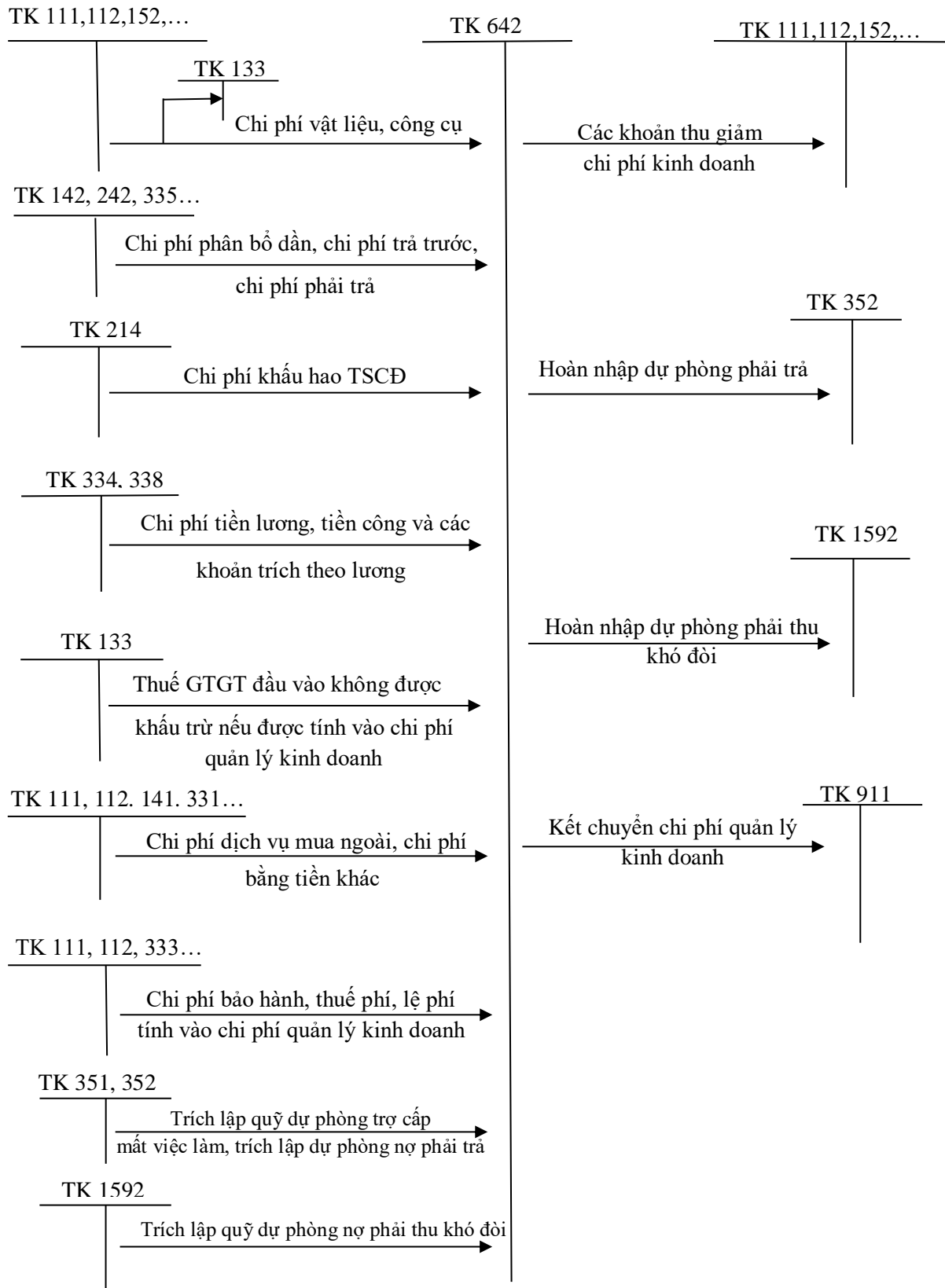
- Kết của TK 6422

Nợ	TK 6422	Có
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.		- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 sau:



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

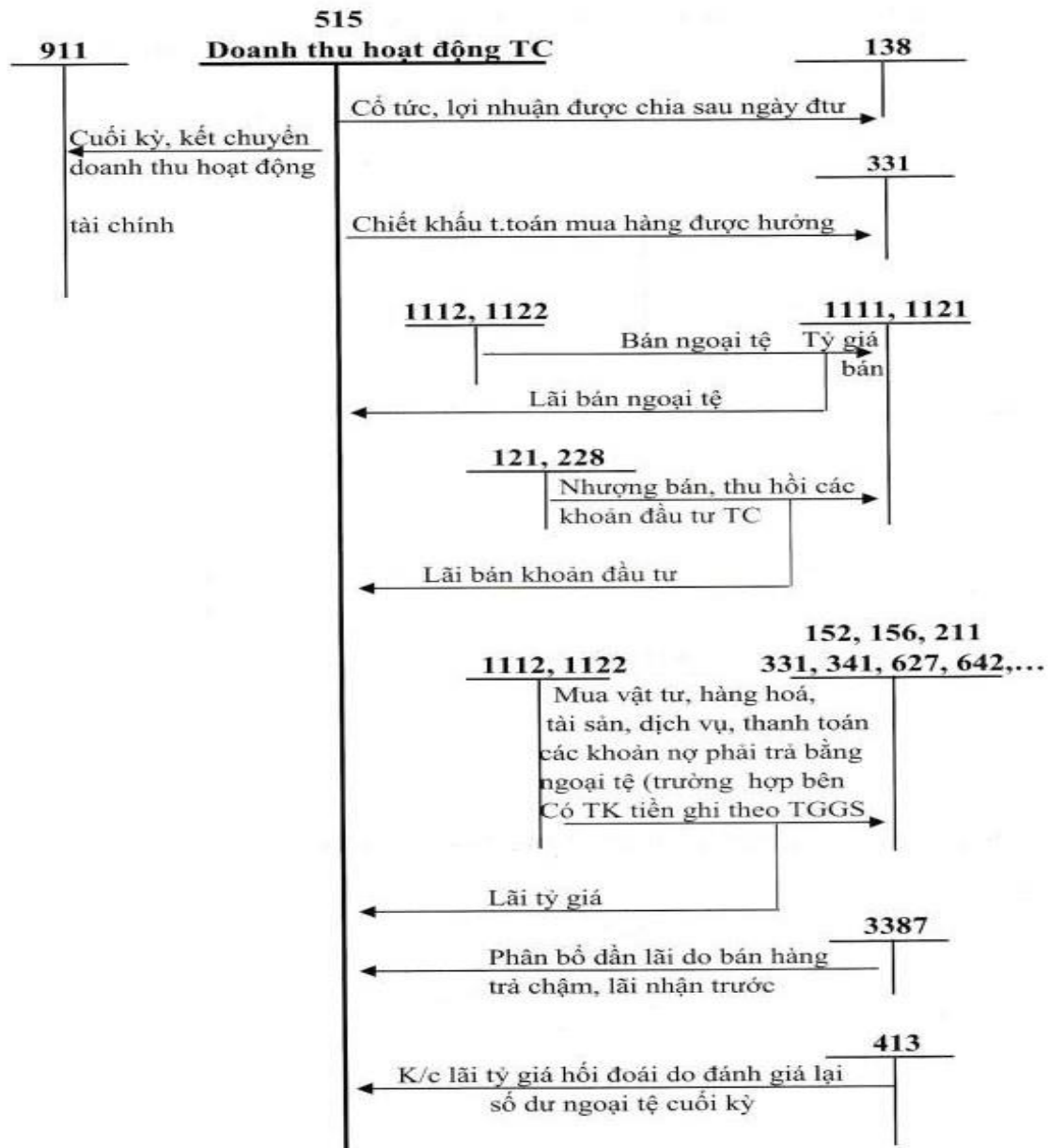
- Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.8 sau:



Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.6 Công tác kế toán chi phí tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí tài chính kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính

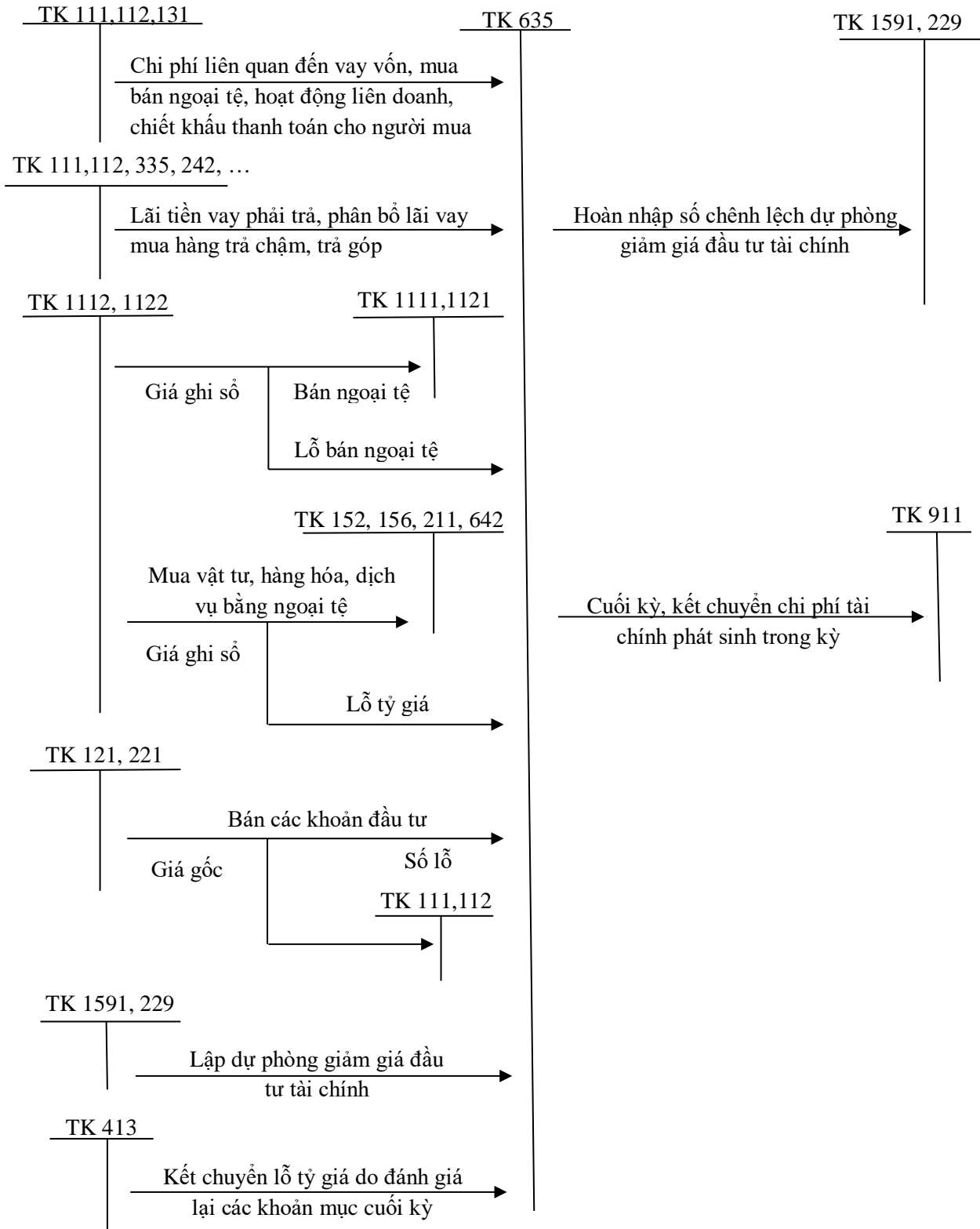
- Kết cấu TK 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản. - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.9 sau:



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính

1.2.7 Công tác kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu nhập khác kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:

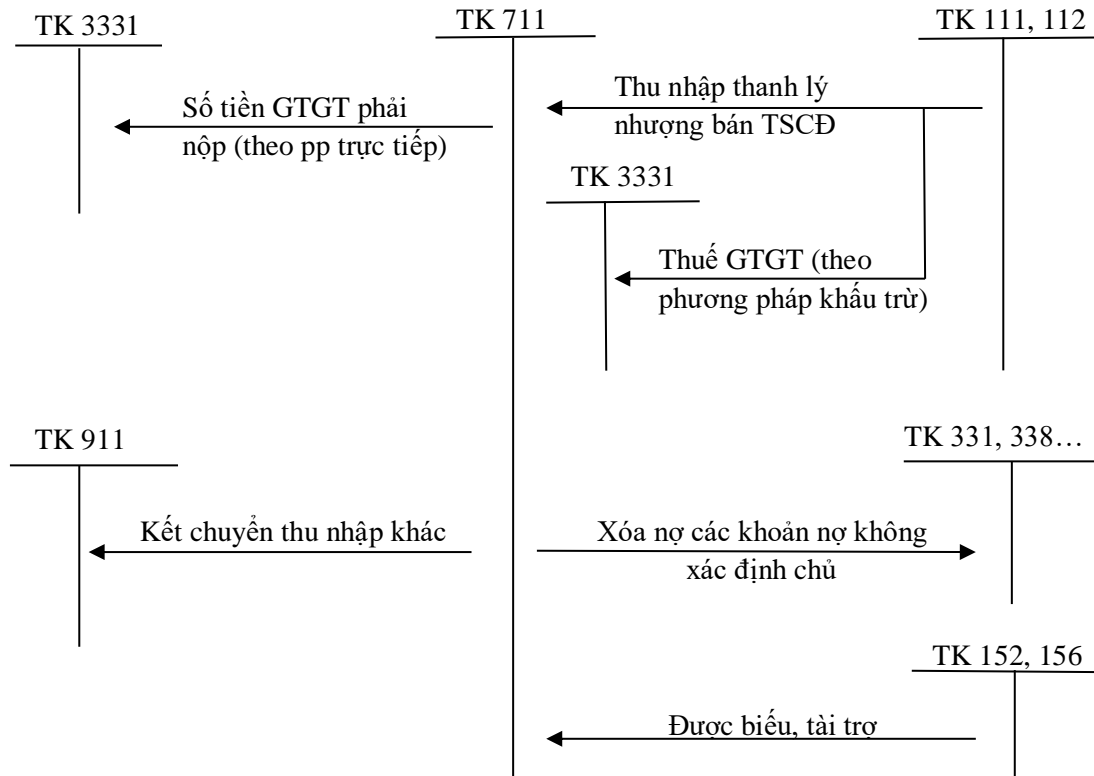
- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác:** dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp
- Kết cấu TK 711

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán thu nhập khác được khái quát qua sơ đồ 1.10 sau:



Sơ đồ 1.10: Kế toán thu nhập khác

1.2.8 Công tác kế toán chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí khác kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 811 – Chi phí khác:** phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp

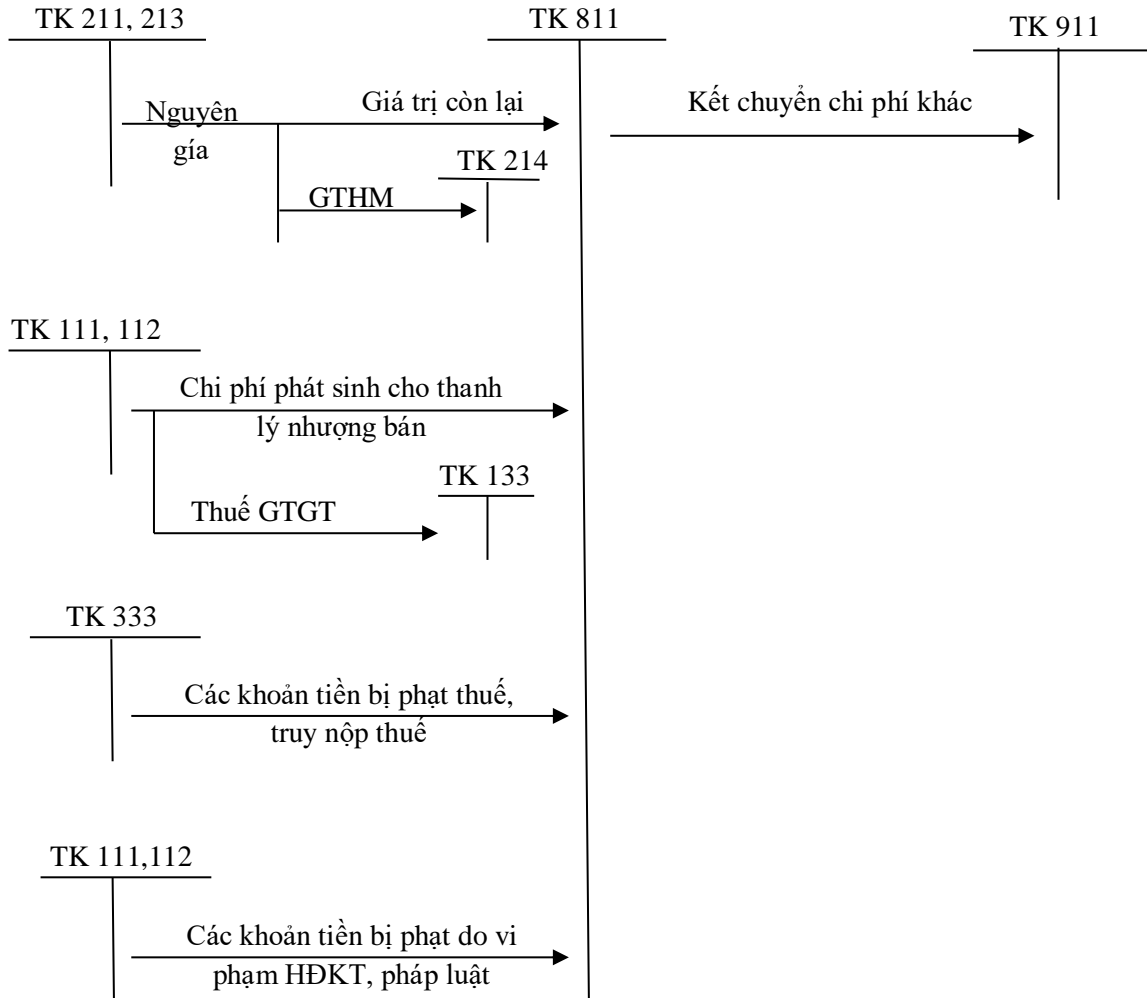
- Kết cấu TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kì sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.11 sau:



Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác

1.2.9 Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.9.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến xác định kết quả kinh doanh kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.9.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh:** dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp

trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

- Kết cấu TK 911

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;		- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chi phí quản lý kinh doanh;		- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.		
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 911 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

- Kết cấu TK 821

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;
		- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 821: không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:** dùng để phản ánh kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của của doanh nghiệp.

- Các tài khoản cấp 2:

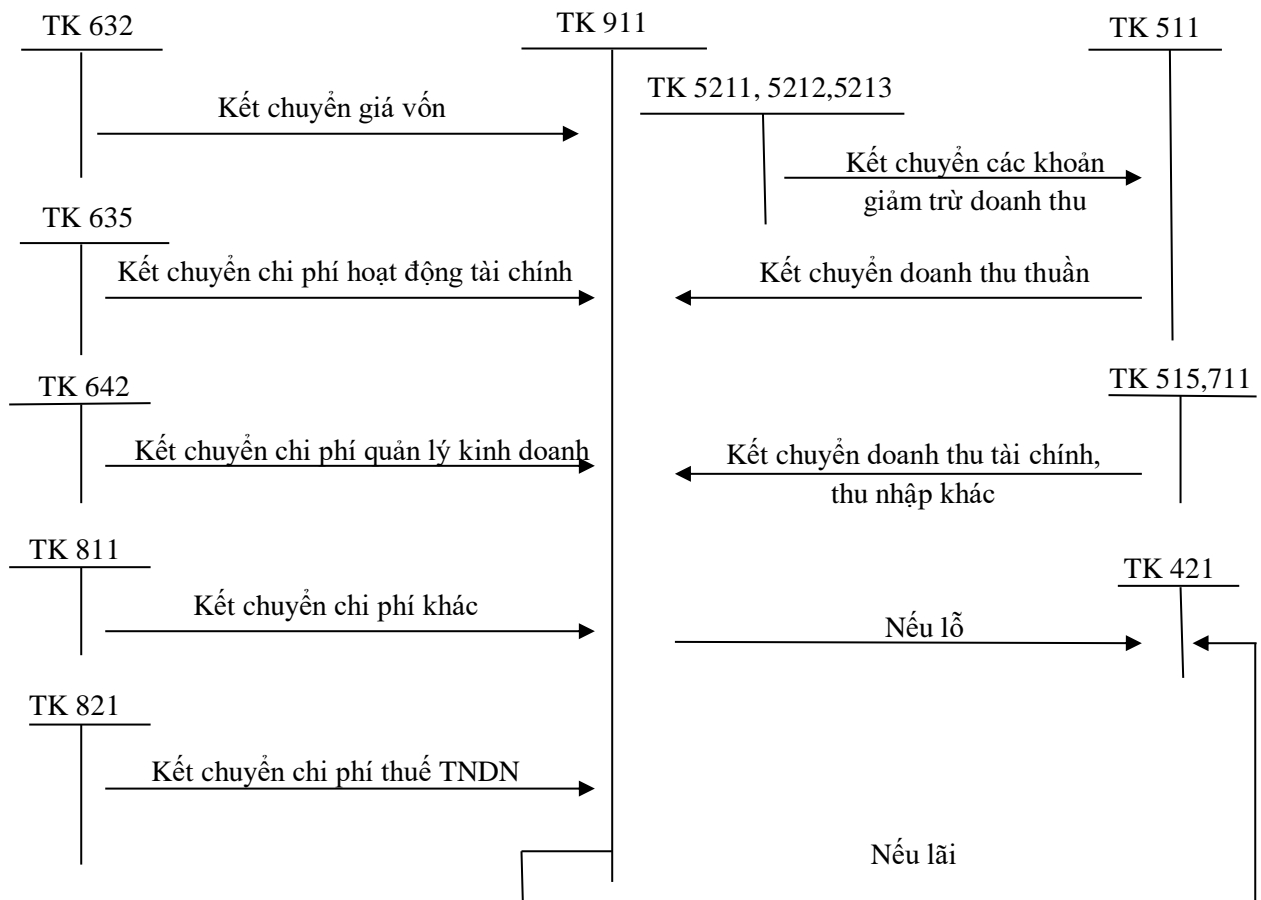
- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

- Kết cấu TK 421

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên;
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

1.2.9.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.12 sau:



Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.10 Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Từ năm 2017, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006- QĐ-BTC sẽ chuyển sang Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là:

➤ **Về chứng từ và sổ kế toán:**

- Thông tư 133: Doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định.
- Quyết định 48: Doanh nghiệp xây dựng chứng từ và sổ kế toán theo những mẫu quy định trong Quyết định 48.

➤ **Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản.**

- Thông tư 133:
 - Chỉ quy định nguyên tắc kế toán.
 - Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng.
 - Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định.
 - Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra.
 - Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn mà nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu.
- Quyết định 48:
 - Quy định chi tiết các bút toán định khoản.
 - Ghi sổ theo Đồng Việt Nam
 - Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn GTGT hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

➤ **Hệ thống tài khoản**

Thông tư 133	Quyết định 48
TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản - TK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh - TK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi - TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	TK 159: Các khoản dự phòng - 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn - 1592: Dự phòng phải thu khó đòi - 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho TK 229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
Không còn	TK 351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
TK 352: Dự phòng phải trả - 3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa - 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng - 3523: Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp - 3524: Dự phòng phải trả khác	TK 352: Dự phòng phải trả (Không có tài khoản cấp 2)
Không còn	TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

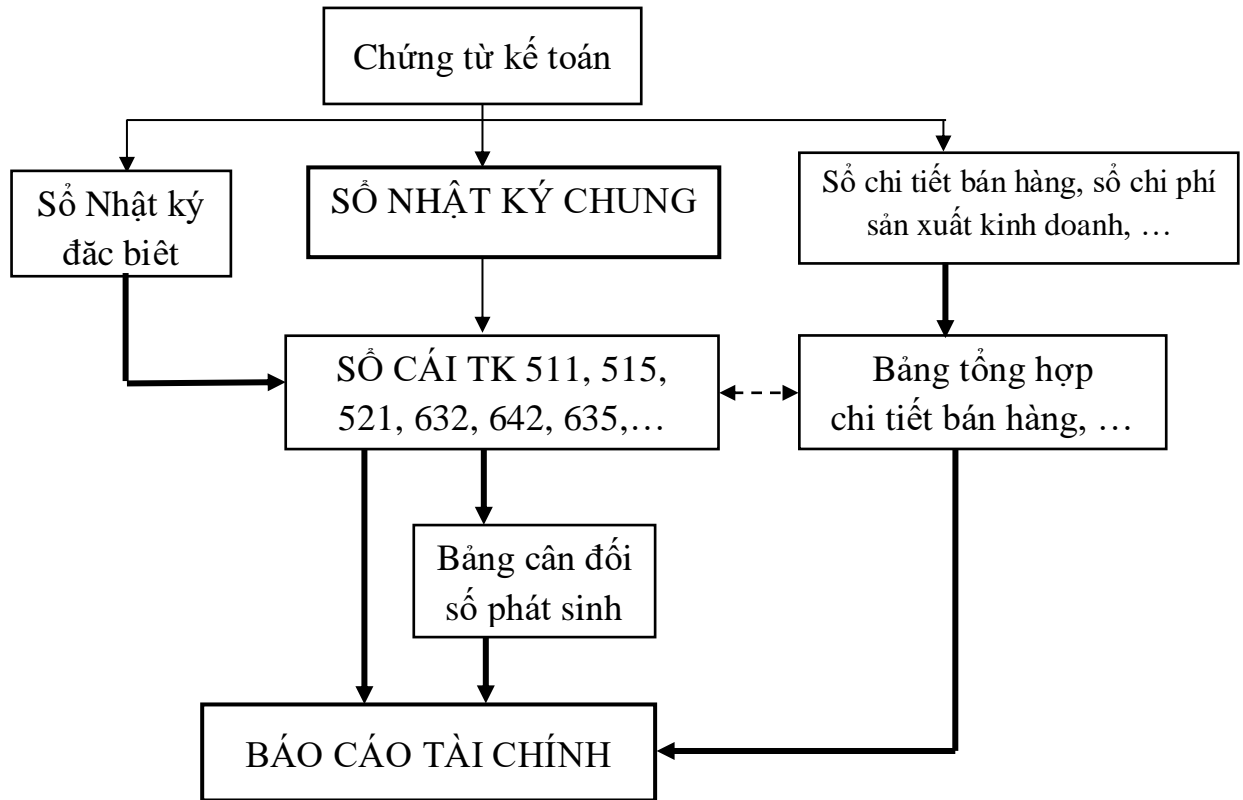
1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.13



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

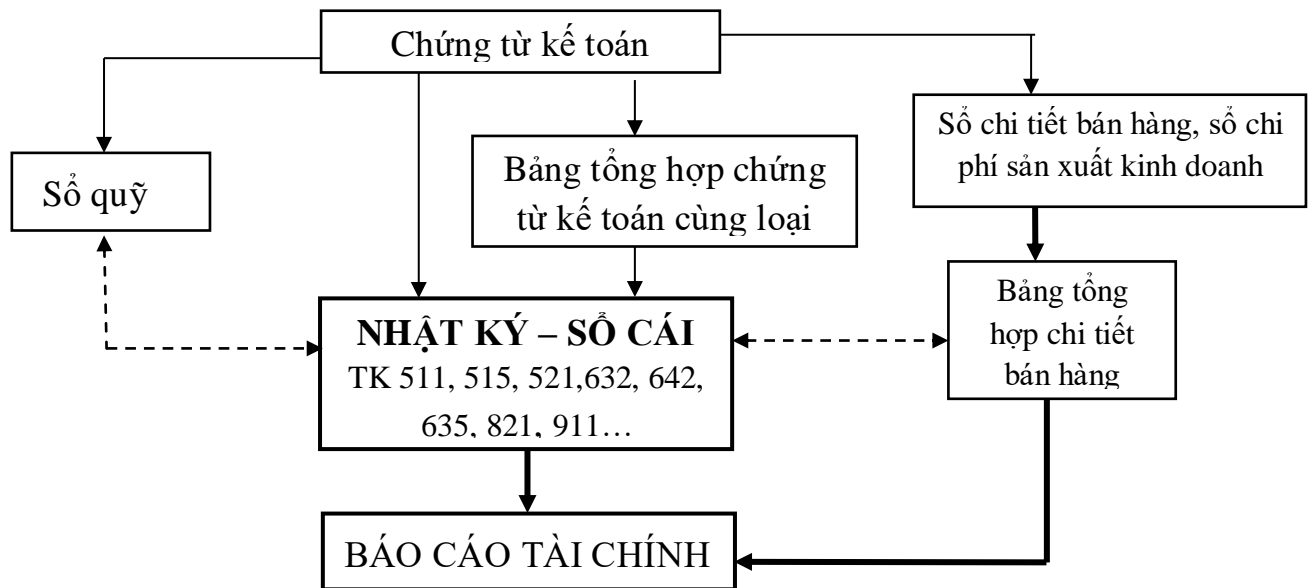
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ Đặc điểm:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.14



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng —————>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

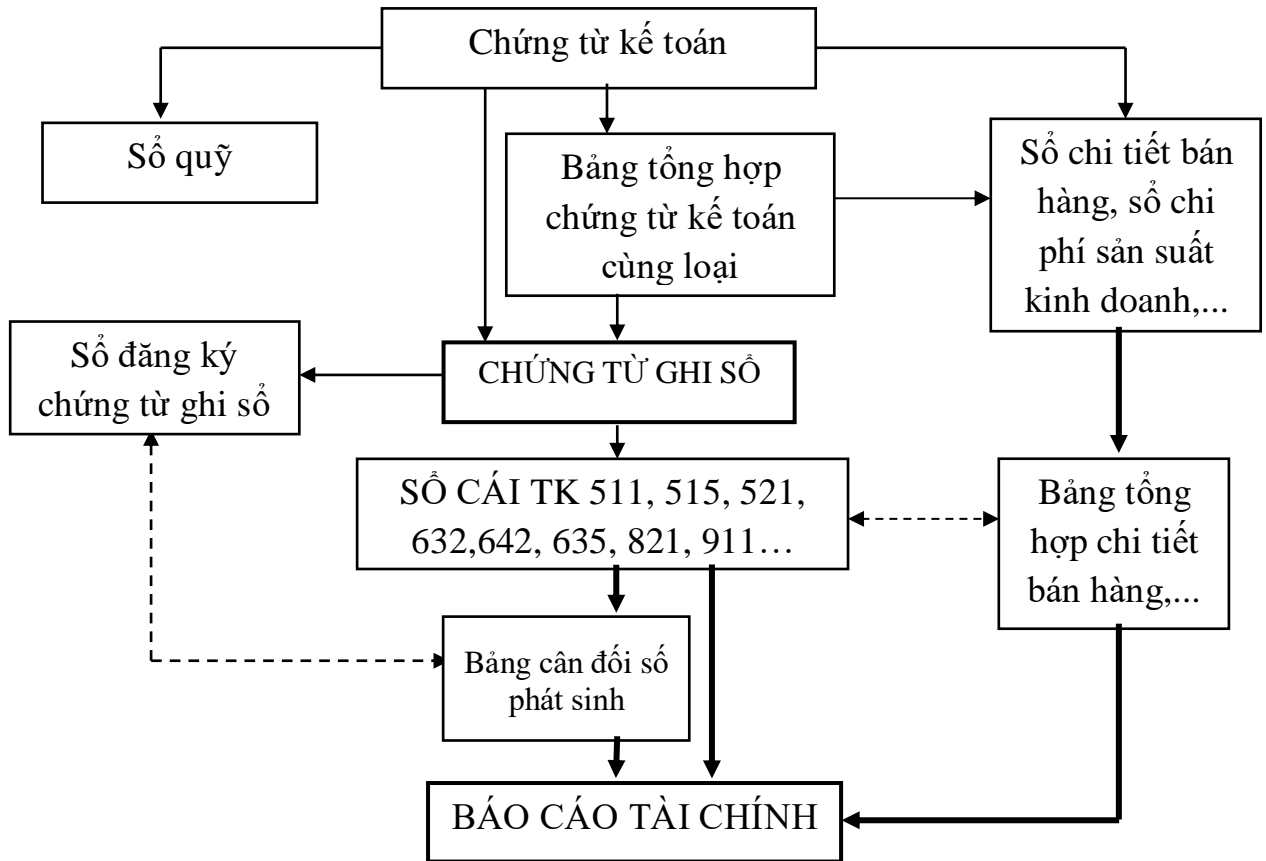
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.15



Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

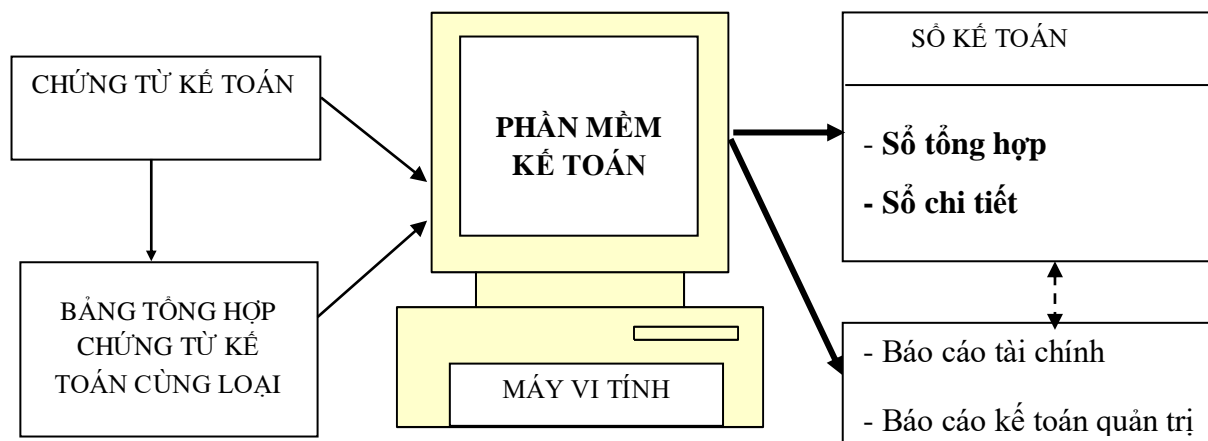
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.16



Sơ đồ 1.16 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần (CP) Thương mại Nam Hà

2.1.1 Giới thiệu khái quát về Công ty CP Thương mại Nam Hà

- ✓ **Tên công ty:** Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà
- ✓ **Tên giao dịch quốc tế:** NAM HA TRADING JOINT STOCK COMPANY
- ✓ **Tên viết tắt:** NAM HA COMPANY
- ✓ **Địa chỉ:** Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- ✓ **Mã số thuế:** 0201120554
- ✓ **Người đại diện pháp lý :** Hoàng Thị Tinh
- ✓ **Số điện thoại :** (0225)3.874.631
- ✓ **Fax :** (0225)3.874.631
- ✓ **Ngày hoạt động :** 15/10/2010
- ✓ **Vốn điều lệ :** 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu đồng chẵn./.)
- ✓ **Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh xăng dầu
- ✓ **Giấy phép kinh doanh số:** 0201120554 **cấp ngày:** 08/10/2010
- ✓ **Quy mô :** Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- ✓ **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Thương mại Nam Hà

- Công ty CP Thương mại Nam Hà được thành lập ngày 08/10/2010. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201120554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Công ty CP Thương mại Nam Hà là công ty chuyên kinh doanh xăng dầu.

- Công ty ra đời trong sự phát triển của nền kinh tế, đời sống nhân dân ngày càng cao, lượng xe cộ lưu thông ngày càng nhiều nhu cầu về xăng, dầu tăng cao. Được thành lập từ năm 2010 đến nay công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự , bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên công ty phải cố gắng nỗ lực hết mình. Công ty CP Thương mại Nam Hà trải qua 7 năm hình thành và phát triển. Tuy thời gian chưa dài nhưng đã có một hình ảnh và uy tín tốt đẹp, mặc dù thị trường luôn có những sự cạnh tranh khốc liệt phẩm chất hàng hóa, chất lượng phục vụ. Nhưng công ty không những giữ vững được thị trường mà còn luôn phát triển và lớn mạnh đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động,

đảm bảo khả năng thu hồi vốn để tái đầu tư mở rộng. Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, giữ vững được mối quan hệ tốt đẹp với các bạn hàng và khai thác những khách hàng tiềm năng cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Hiện tại công ty có 3 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn huyện Thủy Nguyên (Trong đó có 2 cửa hàng đi thuê và 1 cửa hàng mới được xây dựng và được đưa vào sử dụng tháng 9/2017) đó là:

- ✓ Cửa hàng xăng dầu Thiên Hương_Địa điểm: Km 18, Quốc lộ 10, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng_Đưa vào hoạt động từ năm 2014.
- ✓ Cửa hàng xăng dầu Thanh Lãng_Địa điểm: Xã Thanh Lãng, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng_Đưa vào hoạt động từ năm 2015.
- ✓ Cửa hàng xăng dầu Nam Hà_Địa điểm: Xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng_Đưa vào hoạt động từ năm 2017.

- Là Doanh nghiệp Thương mại nên Công ty luôn đề cao mục tiêu chính: “phục vụ khách hàng một cách tốt nhất” để phát triển. Và phương châm “Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”. Chính vì vậy công ty đã không ngừng phát triển và lớn mạnh, tạo được niềm tin và uy tín trong lòng khách hàng.

- Lĩnh vực kinh doanh của công ty: Kinh doanh bán lẻ xăng, dầu, các loại dầu nhớt.

2.1.3 Thuận lợi và khó khăn của Công ty CP Thương mại Nam Hà

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít những khó khăn

a. Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên có năng lực , ý thức trách nhiệm , năng động , sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc .
- Văn phòng được trang bị đầy các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty .
- Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán cùng với bộ máy quản lý chuyên nghiệp dễ dàng kiểm tra, kiểm soát .
- Hệ thống các cột bơm xăng dầu hiện đại chuyên nghiệp , hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại. Tạo điều kiện tốt nhất cho công tác kinh doanh và đảm bảo sự an toàn cho cán bộ, nhân viên và khách hàng.

- Hệ thống các cửa hàng đều xây dựng trên các trục đường chính, nơi đông dân cư, chợ, gần các nhà máy, khu công nghiệp -> phương tiện lưu thông qua lại tương đối nhiều.
- Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường
- Mở rộng thị trường kinh doanh, xây dựng mới thêm cây xăng vào năm 2017
- Ngoài những điều đã nêu thì doanh thu hàng năm của công ty ngày càng tăng cũng thể hiện những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ quản lý và nhân viên trong công ty.

b. Khó khăn

- Bên cạnh những thuận lợi có được thì công ty cũng gặp phải không ít khó khăn trong quá trình hoạt động .Càng ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh không ngừng chiếm lấy mảng thị trường này.
- Giá xăng dầu do nhà nước quy định tăng giảm thất thường doanh nghiệp không kiểm soát được giá
- Xăng dầu là những nguyên liệu có tích chất bay hơi nên khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình bảo quản.

*** Với những thuận lợi và khó khăn trên trong quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh.**

Sự phát triển của công ty thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính của 3 năm gần đây(**Biểu 2.1**)

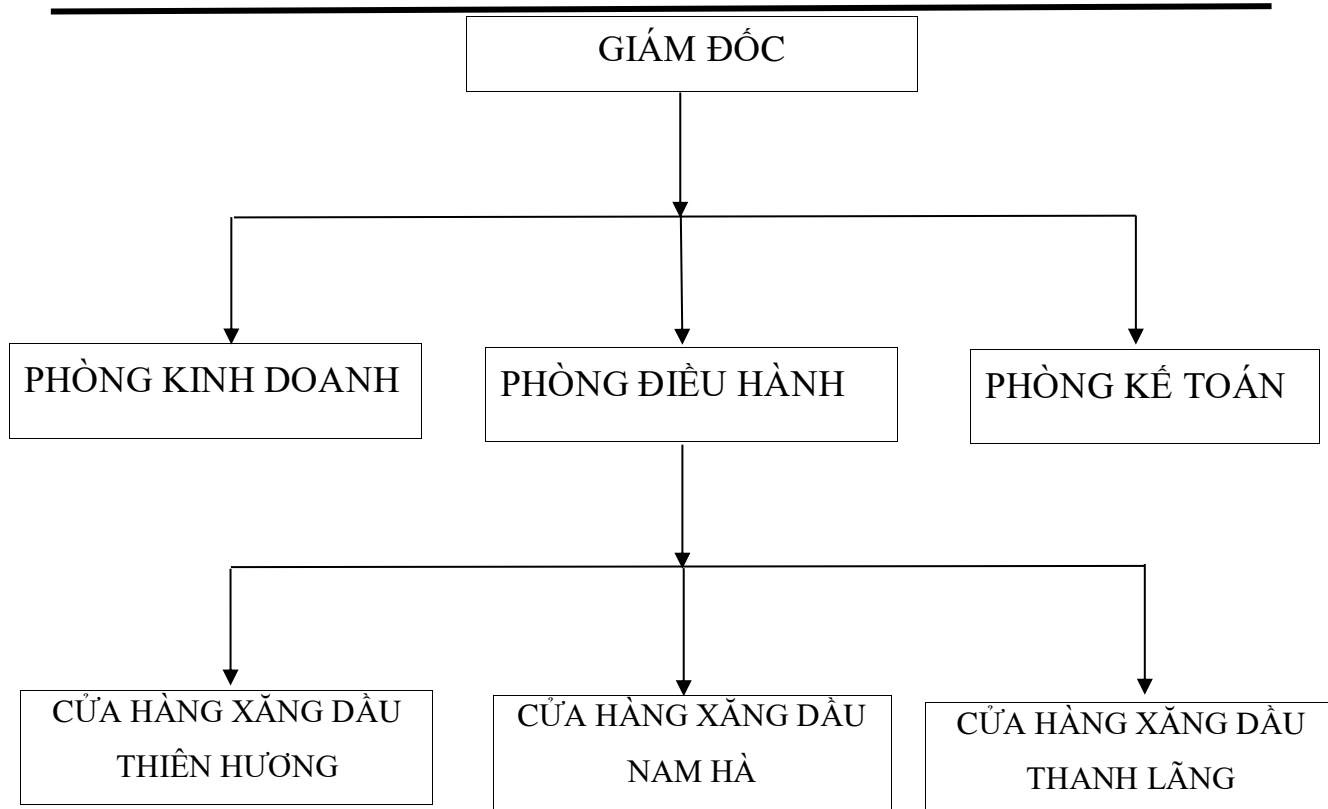
Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong ba năm gần đây

Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1. Doanh thu	24,557,070,676	43,510,606,557	26,208,716,832
2. Lợi nhuận trước thuế	(106,877,893)	76,768,700	302,179,134
3. Thuế TNDN nộp NN	-	-	22,104,457
4. Thu nhập BQ/người/tháng	4,112,567	4,934,245	5,299,065

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.1.4 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Thương mại Nam Hà

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình cơ cấu trực tuyến chức năng (**Sơ đồ 1.1**)



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP Thương mại Nam Hà

- ❖ **Giám đốc:** Là người đứng đầu, lãnh đạo cao nhất, đại diện hợp pháp của công ty trước cơ quan Nhà nước và pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, giám sát và điều hành các hoạt động của công ty .
- ❖ **Phòng kinh doanh:**
 - ✓ Tham mưu cho lãnh đạo về các chiến lược kinh doanh
 - ✓ Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý, năm
 - ✓ Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao.
 - ✓ Có quyền nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo các chiến lược kinh doanh
 - ✓ Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết
 - ✓ Báo cáo thường xuyên về tình hình chiến lược, những phương án thay thế và cách hợp tác với các khách hàng.
 - ✓ Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh
 - ✓ Xây dựng cách chiến lược PR, marketing cho các sản phẩm theo từng giai đoạn và đối tượng khách hàng.
 - ✓ Xây dựng chiến lược phát triển về thương hiệu.

❖ **Phòng điều hành:**

- ✓ Điều hành hoạt động của nhân viên, điều tiết bố trí nhân sự, quản lý và vận hành hoạt động máy móc thiết bị.
- ✓ Lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động SXKD.
- ✓ Quản lý giám sát hoạt động của các cửa hàng.

❖ **Phòng kế toán :**

- Chức năng:

- ✓ Quản lý kinh tế tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính doanh nghiệp.
- ✓ Giúp doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- ✓ Tham mưu cho giám đốc công ty để xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn, và các đề án sản xuất kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kinh tế trong công ty.

- Nhiệm vụ:

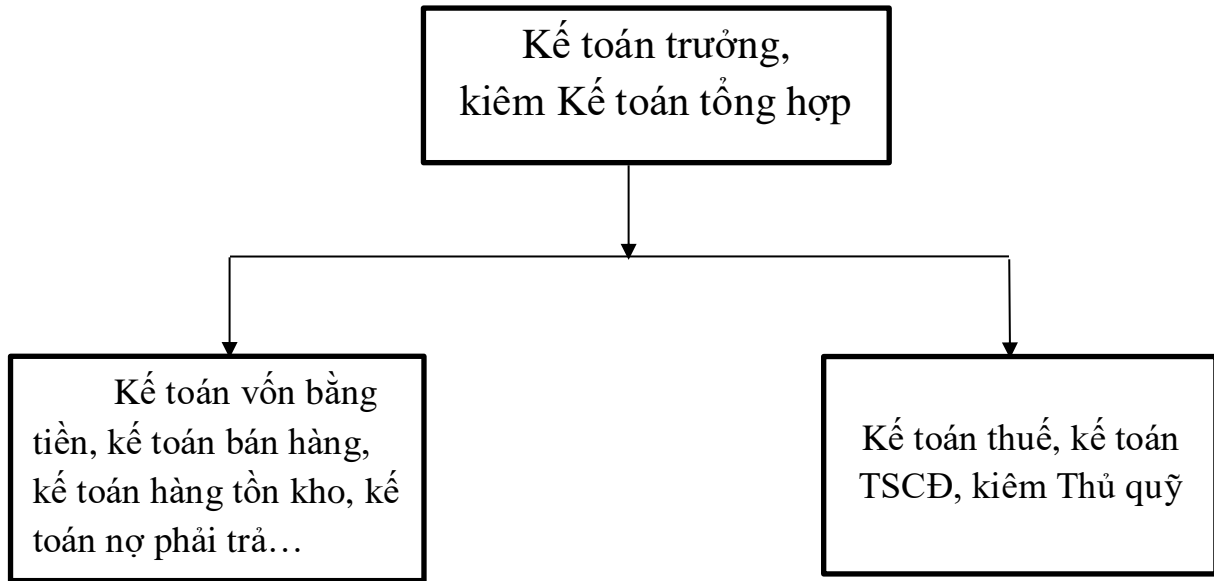
- ✓ Xây dựng hệ thống kế toán của DN.
- ✓ Cập nhật và nắm bắt các luật thuế, chính sách thuế mới ban hành nhằm đáp ứng đúng theo quy định của pháp luật
- ✓ Quản lý các chi phí đầu vào, đầu ra của công ty
- ✓ Có trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính của công ty cho lãnh đạo khi có yêu cầu
- ✓ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, đồng thời có nghĩa vụ thu nộp, thanh toán các khoản nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.
- ✓ Nắm bắt tình hình tài chính và có tham mưu kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định.
- ✓ Giải quyết các chế độ tiền lương, thưởng, thai sản...
- ✓ Quản lý doanh thu, lượng hàng, công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định...
- ✓ Lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.
- ✓ Thanh toán hợp đồng, tham gia đàm phán các hợp đồng kinh tế.
- ✓ Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

❖ **Hệ thống các cửa hàng:** là các điểm bán hàng của công ty cũng là các kho hàng hóa của công ty. Nơi diễn ra phần lớn các cuộc giao dịch thương mại của công ty.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.1.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung (Sơ đồ 2.2)



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

* **Kế toán trưởng :**

- Là người được bổ nhiệm đứng đầu bộ phận kế toán nói chung của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ sở... và là người phụ trách, chỉ đạo chung và tham mưu chính cho lãnh đạo về tài chính và các chiến lược tài chính, kế toán cho doanh nghiệp. Kế toán trưởng là người hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh những công việc mà các kế toán viên đã làm sao cho hợp lý nhất.

- Là một kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức, là người chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật về việc chấp hành đúng các quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành, có trách nhiệm phổ biến chủ trương, kế hoạch và chỉ đạo công tác cho bộ phận kế toán công ty. Kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty, các định mức tiền lương tiền thưởng... đồng thời xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Thực hiện lập và gửi cấp trên đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán. Phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh

nhằm mục đích cung cấp thông tin cho nhà quản trị công ty ra quyết định kinh doanh, xây dựng các kế hoạch tài chính cho công ty.

* **Kế toán vốn bằng tiền, kế toán bán hàng, kế toán hàng tồn kho, kế toán nợ phải trả...**: Có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến các phần hành về vốn bằng tiền, bán hàng, hàng tồn kho, nợ phải trả và chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

* **Kế toán thuế, kế toán TSCĐ, kiêm Thủ quỹ**: Có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan đến các phần hành về thuế và TSCĐ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng. Ngoài ra còn chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Quản lý, bảo quản tiền mặt và các giấy tờ có giá trị tương đương tiền; kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc.

2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

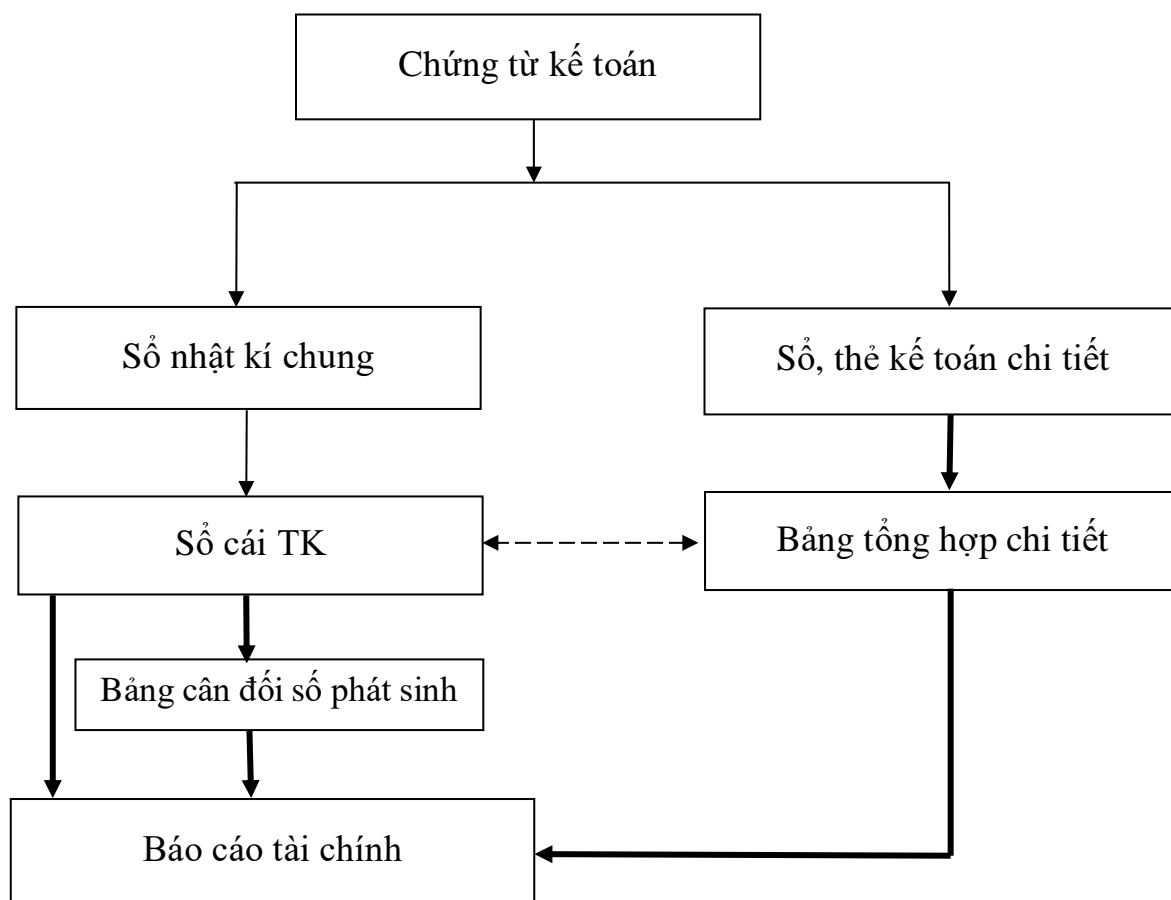
- Hình thức ghi sổ kế toán công ty áp dụng: Nhật ký chung
 - Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 2.3)

(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số

phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Ghi chú : —————> Ghi hàng ngày

—————> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty CP Thương mại Nam Hà

2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty CP Thương mại Nam Hà

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn .
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Ủy nhiệm thu ...

2.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

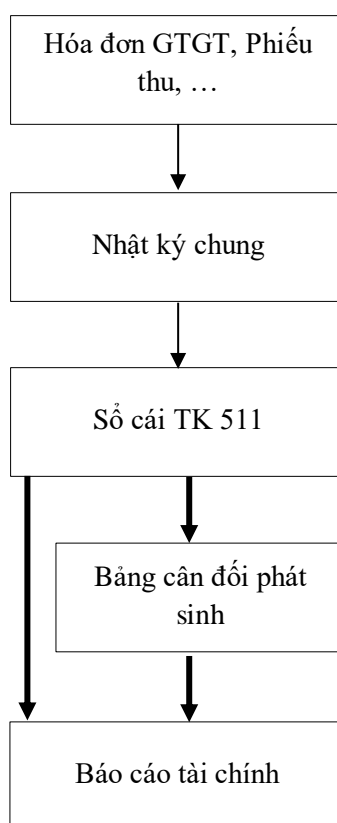
2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 511

2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán công ty hạch toán theo quy trình (Sơ đồ 2.4) sau:



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp DV tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2016 bán 1556 lít Dầu Diesel cho công ty Thành An. Tổng số tiền thanh toán 19.450.000đ. Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0001897 (Biểu 2.2) ngày 04/12/2016 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3)
- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.4)

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0001897 ngày 04/12/2016

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/002
 Liên 3: Nội bộ Ký hiệu: AA/15P
 Ngày: 04 tháng 12 năm 2016 Số: **0001897**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ**
 Mã số thuế: **0201120554**
 Địa chỉ: Thôn 4 (nhà bà Hoàng Thị Tĩnh), xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
 Điện thoại: 0313.87 46 31
 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Thành An**
 Mã số thuế: **0200895693**
 Địa chỉ: **Xóm An Lợi, xã An Lợi, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng**
 Hình thức thanh toán: **Tiền mặt** Số tài khoản:

Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6 = 4 x 5
Dầu Diesel	lít	1.556	11.363,64	17.681.818
Cộng tiền hàng:				17.681.818
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:				1.768.182
Tổng cộng tiền thanh toán				19.450.000

Số tiền viết bằng chữ: **Mười chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng.**

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): **Nguyễn Thị Hoàng**
 Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): **Hoàng Thị Tĩnh**
 Giám đốc đơn vị: **Hoàng Thị Tĩnh**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Cẩn kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.3 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

DVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
04/12/2016	HĐ 0001897	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	131	19,450,000	
				5111		17,681,818
				3331		1,768,182
04/12/2016	PX 2412	04/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	632	16,390,958	
				156		16,390,958
...
12/12/2016	BN 800	12/12/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty Hải Linh	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
12/12/2016	BN 801	12/12/2016	Thu phí ngân hàng	6422	60,000	
				1121		60,000
...
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	22,104,457	
				3334		22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển TNDN năm 2016	911	22,104,457	
				821		22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	280,074,677	
				4212		280,074,677
			Cộng		229,527,377,533	229,527,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.4 Trích Sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng hoá

Số hiệu: 5111

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
HĐ 0001892	3/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001892 ngày 3/12/2016	131		27,531,364
HĐ 0001893	3/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001893 ngày 3/12/2016	131		17,784,091
...
HĐ 0001895	4/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001895 ngày 4/12/2016	131		46,414,773
HĐ 0001896	4/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	131		28,498,682
HĐ 0001897	4/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	131		17,681,818
HĐ 0001898	4/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001898 ngày 4/12/2016	131		15,409,091
HĐ 0001899	4/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001899 ngày 4/12/2016	131		625,000
HĐ 0001900	5/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001900 ngày 5/12/2016	131		1,488,182
...
HĐ 0001955	16/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001955 ngày 16/12/2016	131		16,551,627
HĐ 0001956	16/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001956 ngày 16/12/2016	131		29,172,500
...
HĐ 0002061	31/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0002061 ngày 31/12/2016	131		51,692,309
HĐ 0002062	31/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0002062 ngày 31/12/2016	131		5,943,345
PKT 02	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 5111- 911	911	26.208.716.832	
-	-	Cộng số phát sinh		26.208.716.832	26.208.716.832
-	-	Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 632: Giá vốn hàng bán

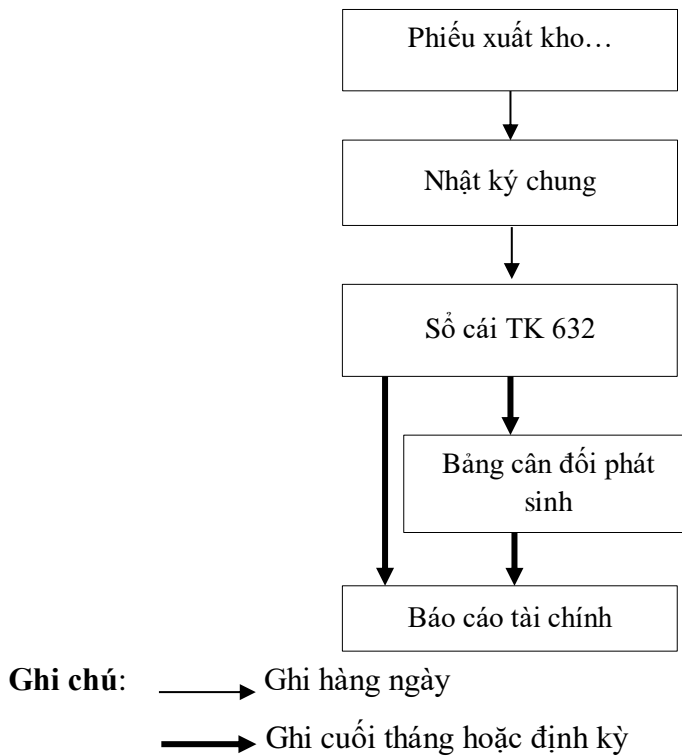
2.2.3.4 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 632

2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.5**) sau:



Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 2: Ngày 04/12/2016 xuất kho 1.556 lít Dầu Diesel bán cho công ty Thành An.

- Căn cứ vào số chi tiết hàng hóa của Dầu Diesel ta có:

+ Tồn kho đầu ngày 04/12/2016 của Dầu Diesel là:

- ✓ Số lượng: 161,586 lít
- ✓ Thành tiền: 1,702,141,998đ

+ Trong ngày 04/12/2016 công ty không nhập hàng

⇒ Đơn giá giá xuất kho Dầu Diesel ngày 04/12/2016 được tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{matrix} = \frac{1,702,141,998}{161,586} = 10,534 \text{ đ/lít}$$

⇒ Kế toán lập phiếu xuất kho số 2412 (Biểu 2.5)

Biểu 2.5 Phiếu xuất kho số 2412

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Số: PX 2412

Nợ: 632

Có: 1561

- **Họ và tên người nhận hàng:** Bùi Thị Hạnh

- **Lý do xuất kho:** Xuất bán theo hóa đơn số 0001897 ngày 04/12/2016

- **Xuất tại kho:** KH

- **Địa điểm:** Kho hàng hoá

STT	Tên sản phẩm, vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel 0,05S	DAU	lít	1,556	10,534	16,390,958
CỘNG				1,556		16,390,958

- Số chứng từ gốc kèm theo: 0 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN HÀNG
(Ký, họ tên)

THỦ KHO
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Tĩnh

Vũ Văn Nam

Bùi Thị Hạnh

Bùi Thị Thơm

Vũ Thị Ngọc Anh

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính công ty CP Thương mại Nam Hà)

- Căn cứ Phiếu xuất kho số 2412 ngày 04/12/2016 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.6)

- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 632 (Biểu 2.7)

Biểu 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
04/12/2016	HĐ 0001897	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	131	19,450,000	
				5111		17,681,818
				3331		1,768,182
04/12/2016	PX 2412	04/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	632	16,390,958	
				156		16,390,958
...
12/12/2016	BN 800	12/12/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty Hải Linh	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
12/12/2016	BN 801	12/12/2016	Thu phí ngân hàng	6422	60,000	
				1121		60,000
...
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	22,104,457	
				3334		22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển TNDN năm 2016	911	22,104,457	
				821		22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	280,074,677	
				4212		280,074,677
			Cộng		229,527,377,533	229,527,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.7 Trích sổ cái TK 632 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
..
PX 2409	3/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001894 ngày 3/12/2016	156	15,801,052	
PX 2410	4/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001895 ngày 4/12/2016	156	43,026,265	
PX 2411	4/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	156	27,110,196	
PX 2412	4/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	156	16,390,958	
..
PX 2510	18/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001973 ngày 18/12/2016	156	3,154,943	
PX 2511	18/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001974 ngày 18/12/2016	156	14,115,606	
PX 2512	18/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001975 ngày 18/12/2016	156	16,306,686	
..
PX 2545	23/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0002018 ngày 23/12/2016	156	1,182,330	
..
PX 2590	31/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0002062 ngày 31/12/2016	156	5,235,415	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn hàng bán 911 - 632	911		23,596,301,726
		Cộng số phát sinh		23,596,301,726	23,596,301,726
		Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.2.4 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán...
- ✓ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ,...
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

Trong đó:

- ✓ TK 6421: Chi phí bán hàng
- ✓ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

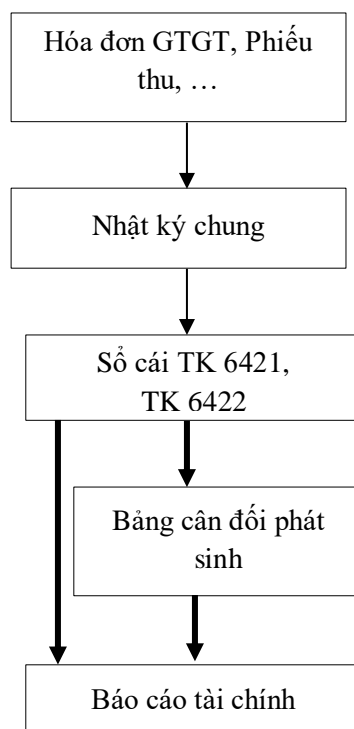
2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 6421, TK 6422

2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.6**) sau:



Ghi chú:
 —————→ Ghi hàng ngày
 —————→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 3: Thanh toán tiền tiếp khách Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Ninh theo hóa đơn GTGT số 0000317 ngày 14/12/2016

- Căn cứ vào hóa đơn số 000317 ngày 14/12/2016 (Biểu 2.8) kế toán lập phiếu chi số 289 (Biểu 2.9)
- Căn cứ vào hóa đơn số 000317 ngày 14/12/2016 kế toán ghi sổ Nhật ký chung số 289 (Biểu 2.12)
- Căn cứ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 6421 (Biểu 2.13)

Biểu 2.8 Hóa đơn GTGT số 000317 ngày 14/12/2016

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
 Liên 2: Giao người mua Ký hiệu: AA/15P
 Ngày 14 tháng 12 năm 2016 Số: 000317

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI PHÚ LỘC**
 Mã số thuế: **0200656102**
 Địa chỉ: Số 44 đường vòng Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại: 0313.645074 / 3765892
 Số tài khoản: 2111201001918 tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hồng Bàng - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thương mại Nam Hà
 Mã số thuế: 0201120554 - _____
 Địa chỉ: Thôn 6, xã Đông Sơn, huyện Thụy Nguyên, Hải Phòng
 Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản: _____

Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6 = 4 x 5
<u>Tiếp khách ăn uống</u>				<u>2.600.000</u>
Cộng tiền hàng:				<u>2.600.000</u>
Thuế suất GTGT: <u>10</u> %				Tiền thuế GTGT: <u>260.000</u>
Tổng cộng tiền thanh toán				<u>2.860.000</u>
Số tiền viết bằng chữ: <u>Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn</u>				

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): _____
 Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): Nguyễn Văn Hải
 Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên): _____
 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) **GIAM ĐỐC**

Ph. Đức Tuấn

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.9 Phiếu chi số 289 ngày 14/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Quyển số: T12/2016
Số: 289

Họ và tên người nhận tiền: **Bùi Thị Thơm**
Địa chỉ: Công ty cổ phần thương mại Nam Hà
Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách công ty Thành Ninh
Số tiền: **2.860.000 đồng.**
Viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 01 Hoá đơn 0000317 chứng từ gốc

Nợ 6421: 2,600,000
Nợ 1331: 260,000
Có 1111: 2,860,000

Ngày 14 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Tinh

Vũ Văn Nam

Bùi Thị Thơm

Vũ Thị Ngọc Anh

Phạm Thị Hồng Tâm

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Ví dụ 4: Nhận giấy Báo nợ của ngân hàng thanh toán phí chuyển tiền của khoản tiền 120.000.000đ thanh toán tiền hàng cho công ty Hải Linh số tiền 54,545đ .

Vat 10%

- Căn cứ vào Phiếu thu phí dịch vụ ngày 14/12/2016 (Biểu 2.10) & Sổ phụ tháng 12 ngân hàng ACB (Biểu 2.11) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.12)
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 6422 (Biểu 2.14)


Biểu 2.10: Phiếu thu phí dịch vụ ngày 14/12/2016

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU Mã Số Thuế: 0301452948 Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP.HCM		Ký hiệu: HU/101 Số hóa đơn: 549 4690B002 57291 Mã GDV: LINHNTPTNG Số GD: 89 Liên: 1
PHIẾU THU PHÍ DỊCH VỤ - VND (Chuyển Khoản) 12-12-2016		
Chủ Tài Khoản: CTY CP TM NAM HA Địa Chỉ: Thon: 4 (NHA BA HOANG THI TINH) XA DONG SON Huyen Thuy Nguyen Tp. Hai Phong	Mã KH: 819153	
Số Tài Khoản: 96877379 Nội Dung: THU PHI CT 120.000.000D	Mã Số Thuế 0201120554	
Số Tiền Phí: Thuế GTGT(10%): Tổng Cộng Tiền Thanh Toán:	Bằng Số: Bằng Chữ:	54,545 VND 5,455 VND 60,000 VND SAU MUOI NGAN DONG CHAN
Giao Dịch Viên	Kiểm Soát	Trưởng Phòng
ACB - CN THUY NGUYEN		

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.11: Sổ phụ tháng 12 ngân hàng ACB

Page : 1 Of 3
 Account Number : 96877379
 Statement : 05-01-2017
 Number of Check : 0



OrgNbr : 819153
 CTY CP TM NAM HA
 Ma so thuc : 0201120554
 Thon: 4 (NHA BA HOANG THI TINH)
 XA DONG SON Huyen Thuy Nguyen
 Tp. Hai Phong

BANG KE GD - TGTG KHTN (TO CHUC) VND Checking 96877379
 Tu ngay : 01-12-2016 Den ngay : 31-12-2016

	So du dau	+ Gui vao	(Lai nhap von)	- Rut ra	- Phi =	So du cuoi
	1,531,111.00	1,778,016,346.00	11,347.00	1,772,188,025.00		7,359,432.00
ay	Dien giai			Ghi no	Ghi co	So du
12	So Du Dau					1,531,111.00
12	##CTY CP TM NAM HA#0201120554#GIAI NGAN THEO KUNN SO 01##				500,000,000.00	501,531,111.00
12	####NAM HA CHUYEN##			-400,000,000.00		101,531,111.00
12	####THU PHI CT UNC ST 400 TR##			-20,000.00		101,511,111.00
12	##VU VAN NAM#031619161#NOP TK##				246,849,000.00	348,360,111.00
12	####NAM HA CHUYEN TIEN HANG##			-169,524,750.00		178,835,361.00
12	####THU PHI KD UNC ST 169.524.750 D##			-20,404.00		178,814,957.00
12	####THU PHI CT UNC ST 169.524.750 D##			-15,000.00		178,799,957.00
12	####NAM HA CHUYEN TIEN HANG##			-169,524,750.00		9,275,207.00
12	####THU PHI CT 01 UNC 169.524.750D##			-15,000.00		9,260,207.00
12	####THU PHI KD 01 UNC 169.524.750D##			-50,858.00		9,209,349.00
12	##VU VAN NAM#031619161#NTK##				123,377,000.00	132,586,349.00
12	####CT PGD NGO QUYEN -TT TIEN LUONG##			-4,500,000.00		128,086,349.00
12	####CT PGD NGO QUYEN -TT TIEN LUONG##			-4,800,000.00		123,286,349.00
12	####CT PGD NGO QUYEN-TT TIEN LUONG##			-5,700,000.00		117,586,349.00
12	####TT TIEN LUONG-TT TIEN LUONG##			-6,750,000.00		110,836,349.00
12	####TT TIEN LUONG##			-6,500,000.00		104,336,349.00
12	####CT CN THUY NGUYEN - TT TIEN LUONG##			-5,145,237.00		99,191,112.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT LUONG##			-4,500,000.00		94,691,112.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-5,200,000.00		89,491,112.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-7,426,154.00		82,064,958.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-4,850,000.00		77,214,958.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-5,145,237.00		72,069,721.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-5,050,000.00		67,019,721.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-6,400,000.00		60,619,721.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-5,145,237.00		55,474,484.00
12	##CTY CP TM NAM HA##TT TIEN LUONG##			-6,450,000.00		49,024,484.00
12	####THU PHI CT 06 UNC 5.145.237D+6.500.000D+6.750.000D+5.700.00D+4.800.000D4.500.000D##			-90,000.00		48,934,484.00
12	####THU PHI KD##			-22,333.00		48,912,151.00
12	##CTY TNHH SXTM THANH NINH##THANH TOAN TIEN DAU T11/2016##				73,010,550.00	121,922,701.00
12	####CT NAM HA CHUYEN TIEN##			-120,000,000.00		1,922,701.00
12	####THU PHI CT 120.000.000D##			-60,000.00		1,862,701.00

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.12: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2016

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
04/12/2016	HĐ 0001896	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	131	31,348,550	
				5111		28,498,682
				3331		2,849,868
04/12/2016	PX 2411	04/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	632	27,110,196	
				156		27,110,196
...
12/12/2016	BN 800	12/12/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty Hải Linh	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
12/12/2016	BN 801	12/12/2016	Thu phí ngân hàng	6422	60,000	
				1121		60,000
...
14/12/2016	PC 289	14/12/2016	Thanh toán tiền tiếp khách công ty Thành Linh	6421	2.600.000	
				133	260,000	
				1111		2,860,000
...
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	280,074,677	
				4212		280,074,677
			Cộng		229,527,377,533	229,527,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....
 Ngày mở sổ

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.13 Trích sổ cái TK 6421 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 6421

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
PX 2444	10/12/2016	Ông Vũ Hồng Phong lĩnh xăng dầu phục vụ xe: 15C - 11827	156	1,053,403	
...
PC 287	12/12/2016	Thanh toán tiền cước điện thoại	1111	481,785	
PC 289	14/12/2016	Thanh toán tiền tiếp khách công ty Thành Linh	1111	2.600.000	
PX 2460	15/12/2016	Ông Vũ Hồng Phong lĩnh xăng dầu phục vụ xe: 15C - 11827	156	1,369,425	
...
PC 301	31/12/2016	Thanh toán tiền rửa xe, bơm mỡ xe 15C - 11827	1111	550,000	
PKT 01	31/12/2016	Trích chi phí thuê cửa hàng Thiên Hương	335	9,090,909	
PKT 01	31/12/2016	Trích chi phí thuê cửa hàng Thanh Lãng	335	7,272,727	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1,552,641,389
-	-	Cộng số phát sinh		1,552,641,389	1,552,641,389
-	-	Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.14 Trích sổ cái TK 6422 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 6422

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
BN 762	2/12/2016	Thu phí ngân hàng	1121	15,000	
BN 764	2/12/2016	Thu phí ngân hàng	1121	15,000	
...
BN 799	10/12/2016	Thu phí ngân hàng	1121	2,200	
PX 2445	10/12/2016	Ông Vũ Văn Nam lĩnh xăng dầu phục vụ xe: 15A - 19405	156	339,694	
BN 801	12/12/2016	Thu phí ngân hàng	1121	60,000	
PX 2452	12/12/2016	Ông Vũ Văn Nam lĩnh xăng dầu phục vụ xe: 15A - 19405	156	325,605	
...
PKT 01	31/12/2016	Kết chuyển tiền lương phải trả người lao động _ Bộ phận quản lý	334	25,826,922	
PKT 01	31/12/2016	Trích nộp BHXH cho người lao động _ Bộ phận quản lý	3383	3,351,700	
PKT 01	31/12/2016	Phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	142	7,096,100	
PKT 01	31/12/2016	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	242	7,443,160	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		637,563,799
		Cộng số phát sinh		642,033,779	642,033,779
		Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.2.5 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

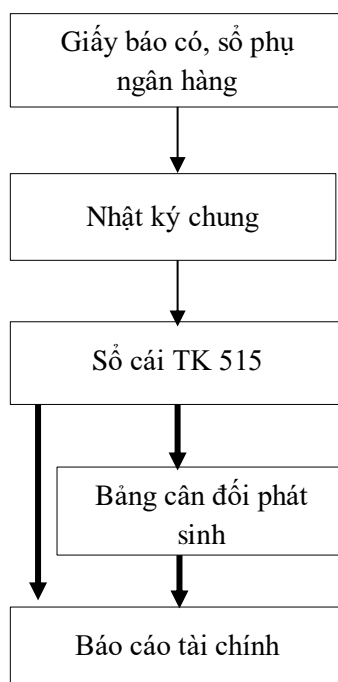
2.2.5.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 515

2.2.5.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính kế toán công ty hạch toán theo quy trình (Sơ đồ 2.7) sau:



- Ghi chú:** Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 5: Ngày 31/12/2016 nhận giấy báo có của ngân hàng Agribank về tiền lãi tiền gửi được nhận số tiền 13.500đ

- Căn cứ Chứng từ giao dịch ngày 31/12/2016 (Biểu 2.15) & Sổ phụ Tháng 12 ngân hàng Agribank (Biểu 2.16) ngày 31/12/2016 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17)
- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.18)

Biểu 2.15: Chứng từ giao dịch ngày 31/12/2016

AGRIBANK
Mang phần thịnh đến khách hàng

CHUNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 31/12/2016
Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 01GTGT2/2105
 Ký hiệu: GL/16T
 Số hóa đơn: 12310016001014
 Ngày giá trị: 31/12/2016 SBT: 1014

Chi nhánh: 2105 - NHNo&PTNTVN - CN H. Thủy Nguyên - Hải Phòng

Địa chỉ: 09 Đường Đà Nẵng - TT Núi Đèo - H. Thủy Nguyên - Hải Phòng

Tên khách hàng: Cty Cổ Phần Thương Mại Nam Hà

Địa chỉ: Thôn 4 Đông Sơn TN

Mã số khách hàng: 2105158939270

Loại giao dịch: Lãi tiền gửi

Nội dung:

Mã số thuế: 0100686174-902

Điện thoại/Fax: /

Mã số thuế: 0201120554

Số tài khoản: 2105201003113

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:	1.614.412.895	VND	AGRIBANK
Lãi nhập gốc:	13.500	VND	

Khách hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên
(Mã GDV: 2105201003113)

Kiểm soát
(Mã KS:)

Giám đốc

Batch User

Mã in: HTNLQHUY

Thời gian in: 04/01/2017 15:51:56

1/1

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.16: Số phụ ngân hàng Agribank tháng 12

NG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

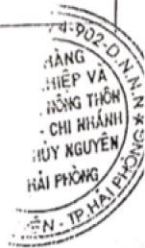
AGRIBANK

Atang phan thnh den khach hang

H. Thuy Nguyen

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
2016	CTY CP TM NAM HA CT	131,000,000	0	50,835,493	
2016	VU VAN NAM NOP TIEN	0	128,000,000	178,835,493	
2016	PHI MUA XANG DAU (HD 0001889), DA TRU PHI CT VND11.000	0	57,307,500	236,142,993	16121310000144
2016	CTY CP TM NAM HA CT	130,000,000	0	106,142,993	
2016	CTY CPTM NAM HA CT	100,033,000	0	6,109,993	
2016	TRA TIEN HANG	0	137,452,500	143,562,493	163041030002278
2016	VAN NAM nộp tiền :	0	121,400,000	264,962,493	
2016	Cty Cổ Phần Thương Mại Nam Hà CHUYEN TIEN	260,085,800	0	4,876,693	
2016	TT TIEN CHI PHI XANG DAU T11.2016 HD SO 1793 + 1794 +1865 +1869	0	29,464,150	34,340,843	16122110000062
2016	CTY TNHH LAN PHO TRA TIEN DAU DIEZEL	0	51,056,100	85,396,943	
2016	VU VAN NAM nộp tiền :	0	304,000,000	389,396,943	
2016	CTY NAM HA CT	324,696,364	0	64,700,579	
2016	CTY CPTM NAM HA NOP BHXH , TG0371G	9,819,875	0	54,880,704	
2016	Thanh toan tien mua dau	0	35,510,000	90,390,704	BNK635740320880
2016	NAM NOP TIEN	0	311,132,000	401,522,704	
2016	CTY CP THUONG MAI NAM HA CT	400,132,000	0	1,390,704	
2016	NAM nộp tiền :	0	151,601,000	152,991,704	
2016	Cty Cổ Phần Thương Mại Nam Hà CHUYEN TIEN	150,549,665	0	2,442,039	
2016	NAM HA CHUYEN TIEN	1,114,371	0	1,327,668	
2016	VU VAN NAM NOP TIEN	0	168,505,000	169,832,668	
2016	TRF Customer A/C.	137,500,000	0	32,332,668	
2016	vu van nam nop tien	0	273,825,000	306,157,668	
2016	CTY CP TM NAM HA CHUYEN TIEN	303,860,241	0	2,297,427	
2016	PHI XANG DAU (HD 0001962), DA TRU PHI CT VND11.000	0	63,877,870	66,175,297	16123010000083
2016	Thanh toan tien mua vat tu	0	26,860,000	93,035,297	BNK636402495242
2016	Thanh toan tien mua dau Diesel	0	25,000,000	118,035,297	BNK636488879545
2016	cty CPTM Nam Hà ct	218,818	0	117,816,479	
2016	DEP. INT. DEPOSIT	0	13,500	117,829,979	

Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng
 chân thành cảm ơn quý khách hàng.
 Số thoại:



(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.17 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

DVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
04/12/2016	HĐ 0001896	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	131	31,348,550	
				5111		28,498,682
				3331		2,849,868
04/12/2016	PX 2411	04/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	632	27,110,196	
				156		27,110,196
...
12/12/2016	BN800	12/12/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty Hải Linh	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
12/12/2016	BN 801	12/12/2016	Thu phí ngân hàng	6422	60,000	
				1121		60,000
...
31/12/2016	BC 239	31/12/2016	Lãi tiền gửi	1121	13,500	
				515		13,500
...
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	280,074,677	
				4212		280,074,677
			Cộng		229,537,377,533	229,537,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....
 Ngày mở sổ

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.18: Trích Sổ cái TK 515 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
BC 17	25/1/2016	Lãi tiền gửi	1121		16,420
...
BC 239	31/12/2016	Lãi tiền gửi	1121		13,500
PKT 12	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 515 - 911	911	563,356	
		Cộng số phát sinh	-	563,356	563,356
		Số dư cuối kỳ	-	-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.2.6 Thực trạng công tác kế toán chi phí tài chính công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.6.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 635: Chi phí tài chính

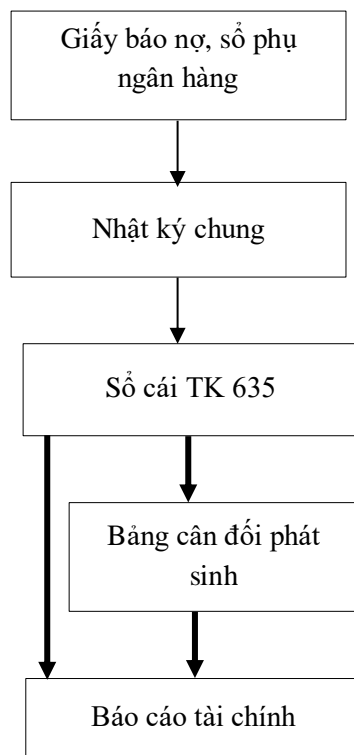
2.2.6.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 635

2.2.6.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí tài chính tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí tài chính kế toán công ty hạch toán theo quy trình (Sơ đồ 2.8) sau:



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 6: Ngày 23/12/2016 Trả lãi tài khoản vay ngắn hạn ngân hàng ACB số tiền 4.433.398đ .

- Căn cứ vào Phiếu chuyển khoản trả nợ vay ngày 23/12/2016 (Biểu 2.19) & Sổ phụ Tháng 12 ngân hàng ACB ngày 23/12/2016 (Biểu 2.20) của ngân hàng ACB kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.21)
- Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 635 (Biểu 2.22)

Biểu 2.19: Phiếu chuyển khoản trả nợ vay ngày 23/12/2016

AN HANG TMCP A CHAU		PHIEU CHUYEN KHOAN TRA NO VAY	
nhanh: ACB - CN THUY NGUYEN	23-12-2016	So GD:	
		Ma GDV: DUONGDTTNG	
		Lien: 1	
va ten nguoi nop: CTY CP TM NAM HA		So TK : 96877379	
tai khoan: CTY CP TM NAM HA		So TK vay: 192123499	
so thue: 0201120554		So HD vay :	
ien Bang so: 17,766,398 VND			
Bang chu: MUOI BAY TRIEU BAY TRAM SAU MUOI SAU NGAN BA TRAM CHIN MUOI TAM DONG CHAN			
chu Tra von: 13,333,000		Du no moi: 493,341,000	
Tra lai: 4,433,398			
Lai duoc khai tru : 0			
Tra phat: 0			
Tra du: 0			
Tra khac: 0			
dung: Thu Tien vay - Von : 13333000 - Lai : 4433398 - Trich Acct TGTT 96877379			
Giao dich vien		Kiem soat	

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.20: Sổ phụ ngân hàng ACB tháng 12

Page : 2 Of 3
 Account Number : 96877379
 Statement : 05-01-2017
 Number of Check : 0

ngNbr : 819153
 TY CP TM NAM HA
 la so thue : 0201120554
 hon: 4 (NHA BA HOANG THI TINH)
 A DONG SON Huyen Thuy Nguyen
 p. Hai Phong

96877379

BANG KE GD - TGTG KHTN (TO CHUC) VND Checking
 Tu ngay : 01-12-2016 Den ngay : 31-12-2016

So du dau	+ Gui vao	(Lai nhap von)	- Rut ra	- Phi =	So du cuoi
1,531,111.00	1,778,016,346.00	11,347.00	1,772,188,025.00		7,359,432.00
y	Diem giai		Ghi no	Ghi co	So du
2	##CTY TNHH DTTMVT HOANG PHONG##CTY HOANG PHONG CHUYEN TRA TIEN MUA DAU##			24,818,000.00	26,680,701.00
2	##VU THI NGOC ANH#031897835#NOP TK##			31,000,000.00	57,680,701.00
2	##CTY CP XNK NAM BINH PHAT-CHUYEN TIEN DAU DIEZEL T11/2016			88,842,449.00	146,523,150.00
2	##Trich thu Tien vay - Von : 8125000 - Lai : 2275000 - Acct vay 200658859		-10,400,000.00		136,123,150.00
2	##VU VAN NAM#031619161#NOP TK##			29,879,000.00	166,002,150.00
2	##549_660749_NAM HA CHUYEN TIEN		-150,000,000.00		16,002,150.00
2	##549_660749_Thu phi chuyen tien ngoai he thong_150,000,000 VND * 0.05%,Min 20,000/Max 1,000,000/Phi CD 0.		-75,000.00		15,927,150.00
12	##HBCTY TNHH VAN TAI XUAN THANH THANH TOAN TIEN DAU CHO CAY DAU NAM HA THEO HOA DON SO 1880			121,625,000.00	137,552,150.00
12	####THU PHI KD UNC 150.000.000D##		-15,000.00		137,537,150.00
12	##549_665318_NAM HA CHUYEN		-120,000,000.00		17,537,150.00
12	##549_665318_Thu phi chuyen tien ngoai he thong_120,000,000 VND * 0.05%,Min 20,000/Max 1,000,000/Phi CD 0.		-60,000.00		17,477,150.00
12	##VU VAN NAM#031619161#NOP TIEN VAO TK CONG TY##			8,000,000.00	25,477,150.00
12	##Trich thu Tien vay - Von : 13333000 - Lai : 4433398 - Acct vay 192123499		-17,766,398.00		7,710,752.00
12	####Lai nhap von#			11,347.00	7,722,099.00
12	##CTY CP TM NAM HA#0201120554#GIAI NGAN THEO KUNN SO 01##			500,000,000.00	507,722,099.00
12	##549_740605_NAM HA CHUYEN		-500,000,000.00		7,722,099.00
12	##549_740605_Thu phi chuyen tien ngoai he thong_500,000,000 VND * 0.05%,Min 20,000/Max 1,000,000/Phi CD 0.		-250,000.00		7,472,099.00
12	##VU VAN NAM#031619161#NOP TK##			30,604,000.00	38,076,099.00
12	####THU PHI PHAT HANH BAO LANH THANH TOAN SO BLTT.TNG.39791.301216##		-30,416,667.00		7,659,432.00
12	####THU PHI CHAM DUT TRUOC HAN THU BAO LANH THANH TOAN TRONG NUOC SO BLTT.TNG.32784.311215##		-300,000.00		7,359,432.00

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.21: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

DVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
04/12/2016	HĐ 0001896	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	131	31,348,550	
				5111		28,498,682
				3331		2,849,868
04/12/2016	PX 2411	04/12/2016	Xuất bán hàng theo HĐ số: 0001896 ngày 4/12/2016	632	27,110,196	
				156		27,110,196
...
23/12/2016	BN 820	23/12/2016	Trả lãi tài khoản vay dài hạn	635	4,433,398	
				1121		4,433,398
...
31/12/2016	BC 239	31/12/2016	Lãi tiền gửi	1121	13,500	
				515		13,500
...
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	280,074,677	
				4212		280,074,677
			Cộng		229,527,377,533	229,527,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.22: Trích Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
BN 820	23/12/2016	Trả lãi tài khoản vay dài hạn	1121	4,433,398	
PKT 12	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính 911 - 635	911		6,708,398
		Cộng số phát sinh		120,594,140	120,594,140
		Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

2.2.7 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác

2.2.8 Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác

2.2.9 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Nam Hà

2.2.9.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

✓ Phiếu kế toán

2.2.9.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

✓ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

- ✓ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- ✓ TK 821: Chi phí thuế TNDN

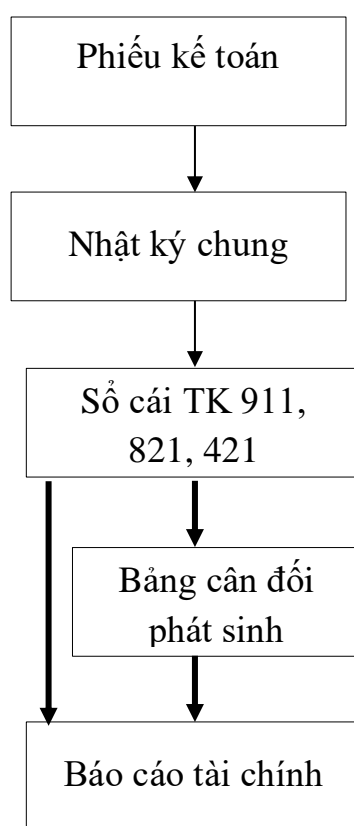
2.2.9.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 911, 421, 821

2.2.9.4 Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Xác định kết quả kinh doanh kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.9**) sau:



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.9 : Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Ví dụ 7: Ngày 31/12/2016 kế toán công ty tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 và xác định kết quả hoạt động kinh năm 2016.

- Trước khi thực hiện kết chuyển kế toán công ty lập Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 (Biểu 2.23)

Biểu 2.23: Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

BẢNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,208,716,832
2	Doanh thu tài chính	563,356
3	Giá vốn hàng bán	23,596,301,726
4	Chi phí quản lý kinh doanh	2,190,205,188
5	Chi phí hoạt động tài chính	120,594,140
6	Lợi nhuận trước thuế	302,179,134
7	Số lỗ lũy kế năm trước	191,656,850
8	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	110,522,284
9	Chi phí thuế TNDN	22,104,457
10	Lợi nhuận sau thuế	280,074,677
11	Thuế TNDN phải nộp	22,104,457
12	Kết chuyển thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	351,814,699

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

- Căn cứ Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 kế toán lập phiếu kế toán số 02 (Biểu 2.24), phiếu kế toán số 03 (Biểu 2.25) và phiếu kế toán 05 (Biểu 2.26)
- Căn cứ vào phiếu kế toán số 02, 03 và 05 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.28)
- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 911 (Biểu 2.28)

Biểu 2.24: Phiếu kế toán 02

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ: PKT02

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	DIỄN GIẢI	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
01	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	26,208,716,832
02	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	563,356
TỔNG CỘNG				26,209,280,188

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.25: Phiếu kế toán 03

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ: PKT03

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	DIỄN GIẢI	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
01	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	23,596,301,726
02	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	120,594,140
03	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	1,552,641,389
04	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	637,563,799
TỔNG CỘNG				25,907,101,054

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.26: Phiếu kế toán 05

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ: PKT05

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	DIỄN GIẢI	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
01	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	22,104,457
02	Kết chuyển lãi năm 2016	911	4212	280,074,677
TỔNG CỘNG				302,179,134

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.27: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ
 Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
31/12/2016	PKT 02	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 511 - 911	5111 911	26,208,716,832	26,208,716,832
31/12/2016	PKT 02	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 515 - 911	515 911	563,356	563,356
31/12/2016	PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn hàng bán 911 - 632	911 632	23,596,301,726	23,596,301,726
31/12/2016	PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính 911 - 635	911 635	120,594,140	120,594,140
31/12/2016	PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 6421	1,552,641,389	1,552,641,389
31/12/2016	PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 6422	637,563,799	637,563,799
31/12/2016	PKT 04	31/12/2016	Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ	3331 1331	351,814,699	351,814,699
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821 3334	22,104,457	22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển TNDN năm 2016	911 821	22,104,457	22,104,457
31/12/2016	PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911 4212	280,074,677	280,074,677
			Cộng		229,527,377,533	229,527,377,533

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

Biểu 2.28: Trích sổ cái TK 911 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	=
PKT 02	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 511- 911	5111		26,208,716,832
PKT 02	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 515 - 911	515		563,356
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn hàng bán 911 - 632	632	23,596,301,726	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính 911 - 635	635	120,594,140	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	1,552,641,389	
PKT 03	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	637,563,799	
PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển thuế TNDN năm 2016	821	22,104,457	
PKT 05	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	4212	280.074.677	
-	-	Cộng số phát sinh		26,209,280,188	26,209,280,188
-	-	Số dư cuối kỳ	-	-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Thương mại Nam Hà)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Công ty CP Thương mại Nam Hà hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Với nhu cầu ngày càng cao và sự đòi hỏi khắt khe của thị trường, phải cạnh tranh với nhiều cửa hàng, công ty kinh doanh trong cùng lĩnh vực khác. Qua nhiều năm hình thành và phát triển với sự phấn đấu vươn lên không ngừng nghỉ công ty CP Thương mại Nam Hà đã chứng minh được vị thế của mình trên thị trường và trong ngành kinh doanh xăng dầu. Hiện nay với sự quản lý chặt chẽ về chất lượng sản phẩm và phương thức marketing phù hợp công ty đã tạo dựng được niềm tin vững chắc trong khách hàng. Thành quả đó được thể hiện thông qua lợi nhuận của công ty ngày càng tăng cao và quy mô của công ty ngày càng được mở rộng. Điển hình là trong năm 2017 công ty đã đầu tư xây dựng mới một cửa hàng xăng dầu với vốn đầu tư xây dựng lên tới hơn 3 tỷ đồng.

Để đạt được những thành tựu trên phải kể đến công sức lao động của cán bộ công nhân viên toàn công ty nói chung và đặc biệt là phòng kế toán tài chính nói riêng đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong thành tựu chung mà công ty đã đạt được trong thời gian qua. Nhìn chung bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, thực hiện hiệu quả công việc và nhiệm vụ được giao

3.1.1 Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh là phần hành đặc biệt quan trọng trong công tác kế toán tại công ty CP Thương mại Nam Hà. Bởi lẽ nó phản ánh sự vận động của tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. Đồng thời nói liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho Ngân sách Nhà nước. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo công ty, giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định về hoạt động kinh doanh, chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả. Trong quá trình thực tập tại công ty CP Thương mại Nam Hà em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty có những ưu điểm sau:

-
- Về hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung”. Đây là hình thức ghi sổ được áp dụng khác phổ biến. Hình thức ghi sổ này có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với trình độ kế toán của công ty.
 - Công ty đang áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô kinh doanh của công ty. Mặt khác, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp này theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất giúp cho việc quản lý hàng tồn kho dễ dàng, chính xác và có kế hoạch cung cấp hàng hóa hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn.
 - Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ kế toán được xây dựng phù hợp theo đúng biểu mẫu quy định của Bộ Tài chính. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý. Các chứng từ như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi,... có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan. Tất cả các chứng từ đều được lưu trữ tại phòng kế toán, và có sự kiểm soát, kiểm tra nghiêm ngặt của kế toán trưởng.
 - Về sổ sách: Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” và hàng tồn kho áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các chứng từ gốc, các loại sổ sách sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo quy định chung và đồng bộ thống nhất. Sổ sách kế toán được đóng gọn gàng, bảo quản, phân loại theo từng năm. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, tìm kiếm dễ dàng.
 - Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản áp dụng tại công ty cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.
 - Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ.
 - Về công tác kế toán giá vốn hàng bán: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề quan trọng mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ để giảm chi phí, nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy công tác kế toán chi phí tại công ty được hạch toán hết sức chặt chẽ, chính xác, đầy đủ và kịp thời.
- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép đều dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty. Việc xác định kết quả kinh doanh của công ty được kế toán công ty hết sức coi trọng, tỉ mỉ, tính toán và cẩn thận trong các bút toán để xác định được kết quả kinh doanh cuối cùng của năm tài chính chính xác.

3.1.2 Nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Bên cạnh những ưu điểm kể trên thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà còn tồn tại một số những nhược điểm sau:

- **Công ty chưa mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán đối với từng mặt hàng:** Cụ thể hiện nay, hiện nay công ty có nhiều hình mặt hàng nhưng kế toán không mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán đối với từng mặt hàng. Như vậy không cung cấp được thông tin cho các nhà quản lý một cách cụ thể và đủ đầy để các nhà quản lý đưa ra những quyết định đúng đắn.
- **Công ty hạch toán chưa đúng quy định kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền thuế môn bài:** cụ thể khi nộp tiền thuế môn bài công ty hạch toán thẳng vào TK 642 mà không hạch toán vào TK 3338.
- **Một số công cụ dụng cụ có giá trị lớn và sử dụng trong nhiều kỳ công ty không đưa vào chi phí trả trước để phân bổ dần mà đưa luôn vào chi phí của một kỳ**
- **Công tác thu hồi nợ phải thu còn nhiều hạn chế:** Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy hiện nay khoản nợ phải thu của công ty tính đến 31/12/2016 là 1.962.793.680đ, chiếm 41% trong tổng tài sản đây là một con số khá lớn.

- **Công ty không hạch toán và kê khai thuế GTGT của các khoản phí chuyển tiền:** Mặc dù số tiền thuế của các khoản phí chuyển tiền không lớn nhưng như vậy làm giảm số tiền thuế GTGT được khấu trừ và tăng chi phí quản lý kinh doanh của công ty.
- **Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán:** Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị máy vi tính khá hiện đại nhưng vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà vẫn quản lý bằng excel khá thủ công. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, việc lặp lại chứng từ các nghiệp vụ dễ xảy ra hơn, khó quản lý và cũng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tay nghề cũng như năng lực của kế toán viên. Có thể thấy công ty chưa tận dụng, chưa phát huy hết được công dụng của máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của các kế toán viên.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

3.2.1 Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Công ty CP Thương mại Nam Hà đã có một đội ngũ kế toán đồng bộ về trình độ chuyên môn, luôn đoàn kết, thống nhất và giúp đỡ nhau trong công việc để hoàn thiện tốt nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho nhà quản lý cũng như góp phần vào xây dựng công ty ngày càng phát triển, lớn mạnh. Tuy nhiên, những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận, một tổ chức, một tập thể nào kể cả bộ máy kế toán. Chính vì vậy yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán được đặt ra.

Bộ phận kế toán là một bộ phận hết sức quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ một doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó bộ máy kế toán ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng được sự thay đổi và phát triển của doanh nghiệp, chế độ kế toán, nền kinh tế để bộ phận kế toán luôn là cánh tay đắc lực cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp hầu như chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, hiệu quả hay không hiệu quả. Đồng thời cũng là tiền đề để các nhà

lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình, tăng doanh thu, hạ chi phí như thế nào? Mặc khác nó còn xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do đó hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách hiệu quả thì việc hoàn thiện phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành. Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành, kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật, các biện pháp hành chính và các công cụ quản lý kinh tế. Mặc khác kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước quản lý. Vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ các tài khoản sử dụng, chuẩn mực, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán hay lập báo cáo.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí. Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao thì càng chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoạt động kinh tế phát triển, nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Công tác kế toán có nhiệm vụ cơ bản là cung cấp các thông tin kinh tế cho các nhà lãnh đạo để từ đó có thể ra các quyết định cho sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, thông tin cung cấp không những phải hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo luân

chuyển số liệu giữa các phần hành của kế toán có sự liên kết, dễ dàng, tiện lợi cho việc kiểm tra mà còn đòi hỏi phải có trình độ chính xác cao, có tính cập nhật, nhanh chóng, kịp thời phục vụ tốt cho mục đích quản lý công tác kế toán trong công ty. Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế với sự bùng nổ thông tin và sự cạnh tranh gay gắt thì yêu cầu này ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

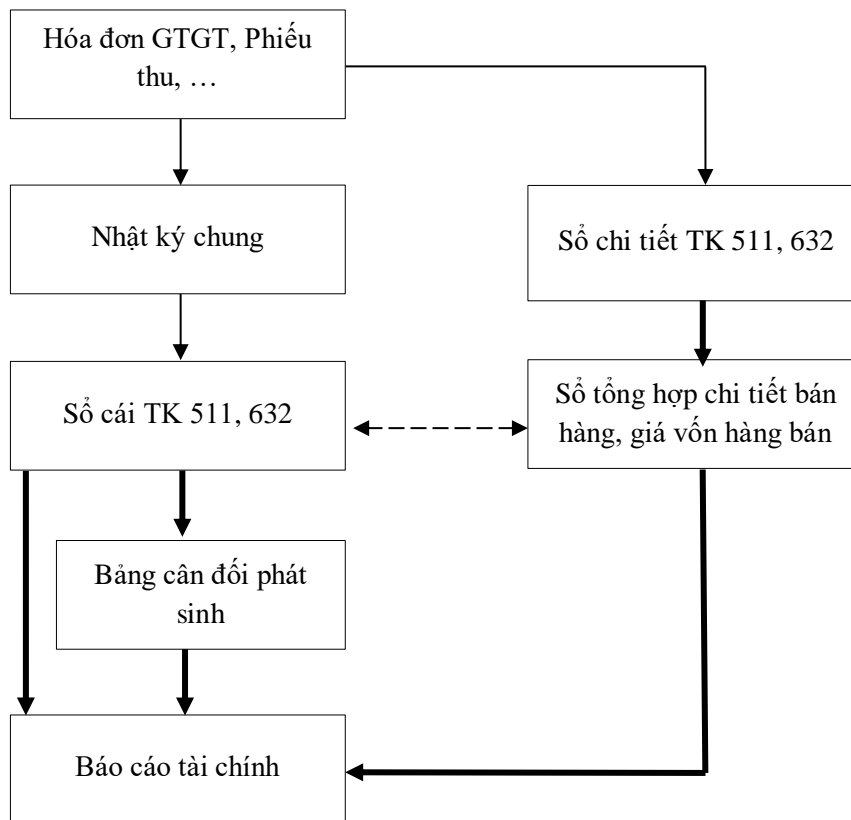
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà

Qua quá trình thực tập tại công ty CP Thương mại Nam Hà, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế của công ty cũng như vận dụng những lý luận em được học khi còn ngồi trên ghế nhà trường em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn một số hạn chế mà nếu khắc phục thì phần hành kế toán này sẽ hoàn thiện và mang lại hiệu quả cao hơn. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà như sau:

3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận của từng mặt hàng

Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 511, 632 đối với từng loại hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể cho từng loại hàng hóa, giúp cho nhà quản lý có thể lựa chọn cơ cấu hàng hóa tối ưu góp phần làm tăng lợi nhuận.

- **Như vậy quy trình hạch toán kế toán doanh thu và giá vốn hàng sẽ theo sơ đồ 3.1:**



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 <---> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 3.1 Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán

➤ **Tiếp tục ví dụ 1 chương 2:** Ngày 04/12/2016 bán 1556 lít Dầu Diesel cho công ty Thành An. Tổng số tiền thanh toán 19.450.000đ. Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0001897 ta ghi sổ chi tiết bán hàng của Dầu Diesel (Biểu 3.1)
- Căn cứ phiếu xuất kho 2412 ta ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán của Dầu Diesel (Biểu 3.2)
- Căn cứ sổ chi tiết bán hàng kế toán ghi bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu 3.3)
- Căn cứ sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán ghi bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 3.4)
- Căn cứ sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán lập bảng xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng (Biểu 3.5)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

Mẫu số S17 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Dầu Diesel
Tháng 12 năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2		3	4
...
04/12/2016	HĐ 0001897	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	131	1,556	11,364	17,681,818		
04/12/2016	HĐ 0001898	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001898 ngày 4/12/2016	131	1,356	11,364	15,409,091		
04/12/2016	HĐ 0001899	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001899 ngày 4/12/2016	131	55	11,364	625,000		
05/12/2016	HĐ 0001901	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001901 ngày 5/12/2016	131	1,270	11,364	14,431,818		
05/12/2016	HĐ 0001903	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001903 ngày 5/12/2016	131	1,568	11,364	17,818,182		
05/12/2016	HĐ 0001904	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001904 ngày 5/12/2016	131	1,550	11,364	17,613,636		
...
			Cộng số phát sinh		218,471		2,534,774,408		
			-Doanh thu thuần				2,534,774,408		
			-Giá vốn hàng bán				2,293,743,908		
			-Lãi gộp				241,030,500		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **Dầu Diesel**

Tháng 12 năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	I	2	
			Số dư đầu kỳ		
			Số phát sinh				
...
04/12/2016	PX 2412	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001897 ngày 4/12/2016	156	10,534	1,556	16,390,958
04/12/2016	PX 2413	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001898 ngày 4/12/2016	156	10,534	1,356	14,284,151
04/12/2016	PX 2414	04/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001899 ngày 4/12/2016	156	10,534	55	579,372
05/12/2016	PX 2415	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001901 ngày 5/12/2016	156	10,534	1,270	13,378,224
05/12/2016	PX 2417	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001903 ngày 5/12/2016	156	10,534	1,568	16,517,366
05/12/2016	PX 2418	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001904 ngày 5/12/2016	156	10,534	1,550	16,327,754
05/12/2016	PX 2419	05/12/2016	Bán hàng theo HĐ số: 0001905 ngày 5/12/2016	156	10,534	6,430	67,733,844
...
			Cộng phát sinh			218,471	2,293,743,908
...	Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.3 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Doanh thu	Chiết khấu
1	Xăng 92 (Xăng RON 92)	lít	77,500	1,192,742,451	
2	Dầu Diesel 0,05S	lít	218,471	2,534,774,408	
3	SHD50 Phuy (KOMAT SHD50 - Phuy 200 lít)	lít	37	1,782,727	
4	SHD5 Thùng (KOMAT SHD50 - Thùng 18 lít)	Thùng	11	10,172,728	
5	AW Hydroil HM 68 - Phuy 209 lít	lít	47	2,478,182	
6	HM 68 Thùng (AW Hydroil HM 68 - Thùng 18 lít)	Thùng	15	14,756,364	
7	SHD40 Thùng (KOMAT SHD40 - Thùng 18 lít)	Thùng	6	5,563,636	
	Cộng			3,762,270,496	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Giá vốn
1	Xăng 92 (Xăng RON 92)	lít	77,500	1,093,609,718
2	Dầu Diesel 0,05S	lít	218,471	2,293,743,908
3	SHD50 Phuy (KOMAT SHD50 - Phuy 200 lít)	lít	37	1,508,490
4	SHD5 Thùng (KOMAT SHD50 - Thùng 18 lít)	Thùng	11	8,771,255
5	AW Hydroil HM 68 - Phuy 209 lít	lít	47	2,095,885
6	HM 68 Thùng (AW Hydroil HM 68 - Thùng 18 lít)	Thùng	15	12,715,050
7	SHD40 Thùng (KOMAT SHD40 - Thùng 18 lít)	Thùng	6	4,657,620
	Cộng			3,417,101,926

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5: Bảng xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM HÀ

Thôn 4, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0201120554

BẢNG XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN GỘP CỦA TỪNG MẶT HÀNG
Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Doanh thu	Các khoản giảm trừ doanh thu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp		Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu
								Số tiền	Tỷ trọng	
1	Xăng 92 (Xăng RON 92)	lít	77,500	1,192,742,451		1,192,742,451	1,093,609,718	99,132,733	28.7%	8%
2	Dầu Diesel 0,05S	lít	218,471	2,534,774,408		2,534,774,408	2,293,743,908	241,030,500	69.8%	10%
3	SHD50 Phuy (KOMAT SHD50 - Phuy 200 lít)	lít	37	1,782,727		1,782,727	1,508,490	274,237	0.1%	15%
4	SHD5 Thùng (KOMAT SHD50 - Thùng 18 lít)	Thùng	11	10,172,728		10,172,728	8,771,255	1,401,473	0.4%	14%
5	AW Hydroil HM 68 - Phuy 209 lít	lít	47	2,478,182		2,478,182	2,095,885	382,297	0.1%	15%
6	HM 68 Thùng (AW Hydroil HM 68 - Thùng 18 lít)	Thùng	15	14,756,364		14,756,364	12,715,050	2,041,314	0.6%	14%
7	SHD40 Thùng (KOMAT SHD40 - Thùng 18 lít)	Thùng	6	5,563,636		5,563,636	4,657,620	906,016	0.3%	16%
	Cộng			3,762,270,496	-	3,762,270,496	3,417,101,926	345,168,570	100%	9.17%

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Có thể thấy, từ việc lập sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 3.2) ta sẽ lập được bảng xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng (Biểu 3.5). Thông qua bảng xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng ta có thể dễ dàng nhận thấy được mặt hàng nào có tỷ suất lợi nhuận cao hơn và tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của mặt hàng đó trong tổng lợi nhuận của doanh nghiệp giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp lựa chọn được cơ cấu sản phẩm tối ưu nhằm gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Qua biểu 3.5 ta thấy cơ cấu tiêu thụ sản phẩm của công ty đã hợp lý vì hai mặt hàng Xăng 92 và Dầu Diesel là hai mặt hàng chủ yếu với tỷ trọng hai mặt hàng chiếm 98,5% tổng tỷ trọng các mặt hàng. Trong đó Dầu Diesel có tỷ suất lợi nhuận (10%) lớn hơn tỷ suất lợi nhuận trung bình (9,17%) và tỷ trọng của nó (69,8%) cũng chiếm cao nhất trong tổng tỷ trọng các mặt hàng. Do Xăng và Dầu là hai mặt hàng có giá bán lẻ do Nhà nước quy định nên để tăng lợi nhuận doanh nghiệp nên tìm cách đẩy mạnh tiêu thụ và tiết kiệm chi phí.

- Các mặt hàng còn lại như SHD 50 Phuy, SHD 50 Thùng, HM 68 Phuy,... chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng tỷ suất lợi nhuận lại cao gấp 1,6 lần tỷ suất lợi nhuận trung bình. Qua đó công ty nên đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng này để tăng lợi nhuận.

3.2.3.2: Ý kiến thứ hai: Công ty CP Thương mại Nam Hà nên hạch toán một số tài khoản theo đúng quy định kế toán

Việc hạch toán tài khoản theo đúng quy định kế toán là rất quan trọng, nó giúp cho theo dõi một cách chính xác nhất về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc hạch toán không đúng theo quy định kế toán sẽ dễ dẫn đến gây nhầm lẫn, theo dõi không chi tiết. Trong thời gian thực tập em nhận thấy rằng công ty hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh không đúng quy định kế toán. Cụ thể là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến *thuế môn bài* và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến *chi phí trả trước*.

➤ Kế toán công ty hạch toán thuế môn bài như sau:

Ví dụ: Thuế môn bài năm 2016 số tiền 3.000.000đ công ty đã hạch toán thẳng vào chi phí

Nợ TK 6422: 3.000.000đ

Có TK 11213: 3.000.000đ

* Như vậy công ty phải hạch toán thuế môn bài qua TK 333 để theo dõi tình hình nộp thuế, lệ phí của doanh nghiệp với Nhà nước cụ thể:

- Khi có thông báo nộp thuế công ty xác định số tiền thuế môn bài phải nộp
Nợ TK 642: 3.000.000đ

Có TK 3338: 3.000.000đ

- Khi nộp tiền thuế môn bài

Nợ TK 3338: 3.000.000đ

Có TK 11213: 3.000.000đ

- Kế toán công ty đã hạch toán công cụ dụng cụ có giá trị lớn và sử dụng trong nhiều kỳ như sau:

Ví dụ: Ngày 26/07/2016 mua máy phát điện tổng trị giá chưa thuế là 24.500.000đ. Thanh toán bằng chuyển khoản.

+ Kế toán công ty đã hạch toán hết vào chi phí:

Nợ TK 6422: 24.500.000

Có TK 1121: 24.500.000

+ Như vậy theo đúng nguyên tắc của kế toán đây là tài sản phát huy tác dụng trong nhiều kỳ phải đưa vào TK 242 để phân bổ dần (trong 3 năm) nên hạch toán lại như sau:

- Khi mua máy phát điện kế toán hạch toán:

Nợ TK 242: 24.500.000

Có TK 1121: 24.500.000

- Hàng tháng kế toán hạch toán phân bổ vào chi phí

Nợ TK 6422: 680.555

Có TK 242: 680.555

Qua đó có thể thấy việc kế toán hạch toán hết tiền mua máy phát điện vào chi phí quản lý kinh doanh của năm 2016 đã làm cho chi phí năm 2016 tăng 21.097.222đ đồng nghĩa với việc làm giảm lợi nhuận của năm 2016 là 21.097.222đ

3.2.3.3 Ý kiến thứ 3: Công ty nên tìm cách đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu

Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy hiện nay khoản nợ phải thu của công ty tính đến 31/12/2016 là 1.962.793.680đ, chiếm 41% trong tổng tài sản đây là một con số khá lớn. Điều này ảnh hưởng lớn đến tình hình quay vòng vốn của doanh nghiệp.

Để đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu nhanh chóng công ty CP Thương mại Nam Hà nên áp dụng một số giải pháp như sau:

- Một là, tăng cường tổ chức quản trị khoản phải thu của khách hàng: Phải đảm bảo phân công rõ ràng, bố trí nhân sự hợp lý cho việc đôn đốc, theo dõi thu hồi nợ trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có.
- Hai là, áp dụng các chính sách và hình thức bán hàng hợp lý: Trong mỗi hợp đồng kinh tế, công ty cần soạn thảo một chính sách thanh toán rõ ràng để hạn chế những vấn đề phát sinh về nợ của khách hàng, yêu cầu khách hàng ký thoả thuận, quy định về việc thanh toán nợ và nêu rõ mức phạt nếu khách hàng thanh toán chậm; nên tính lãi phạt cho những hóa đơn thanh toán trễ hạn nhằm khuyến khích khách hàng thanh toán đúng kỳ hạn. Ngoài ra, mỗi công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán nhằm khuyến khích hàng thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn tránh rủi ro trong việc phát sinh nợ phải thu. Cách tốt nhất để hạn chế rủi ro từ nợ là cần trọng hơn trong việc đặt ra tiêu chuẩn, điều khoản cũng như thời hạn bán chịu. Tiêu chuẩn xét bán chịu nên dựa trên mức vốn, khả năng trả nợ, uy tín, thông tin về tín dụng của khách nợ trong quá khứ...
- Ba là, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu của khách hàng: Việc theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải thu giúp cho công tác quản lý nợ được thuận lợi, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra khi cần thiết từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định
- Bốn là, áp dụng triệt để các hình thức thu nợ: Để nâng cao hiệu quả thu hồi nợ phải thu, các công ty nên đa dạng các hình thức thu nợ như: gửi thu, gọi điện nhắc nhở, đòi nợ trực tiếp, ủy quyền cho các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng tiến hành các thủ tục pháp lý thu hồi nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

3.2.3.4 Ý kiến thứ 4: Công ty nên hạch toán tiền thuế GTGT của các khoản phí chuyển tiền

Quay lại ví dụ 4 chương 2: Nhận giấy Báo nợ của ngân hàng thanh toán phí chuyển tiền của khoản tiền 120.000.000đ thanh toán tiền hàng cho công ty Hải Linh số tiền 54.545đ . Vat 10%

+ Kế toán công ty đã hạch toán:

Nợ TK 635: 60.000

Có TK 1121: 60.000

+ Công ty nên hạch toán như sau:

Nợ TK 635: 54.545

Nợ TK 133: 5.455

Có TK 1121: 60.000

Trong năm 2016 kế toán đã hạch toán 18.871.296đ tiền phí chuyển tiền vào chi phí quản lý kinh doanh, tiền thuế GTGT của các khoản phí chuyển tiền này 1.715.572đ. Có thể thấy, công ty hạch toán như vậy đã làm tăng chi phí của năm 2016 là 1.715.572đ đồng nghĩa với việc làm giảm 1.715.572đ lợi nhuận. Mặt khác, công ty đã làm mất đi 1.715.572 đ tiền thuế GTGT được khấu trừ hay đã làm tăng số thuế phải nộp là 1.715.572đ

3.2.3.5: Ý kiến thứ năm: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhập số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại công ty. Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp gây mất thời gian, dẫn đến sai sót và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy phải bỏ ra một khoản chi phí nhưng với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

** Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ 3.3)*

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

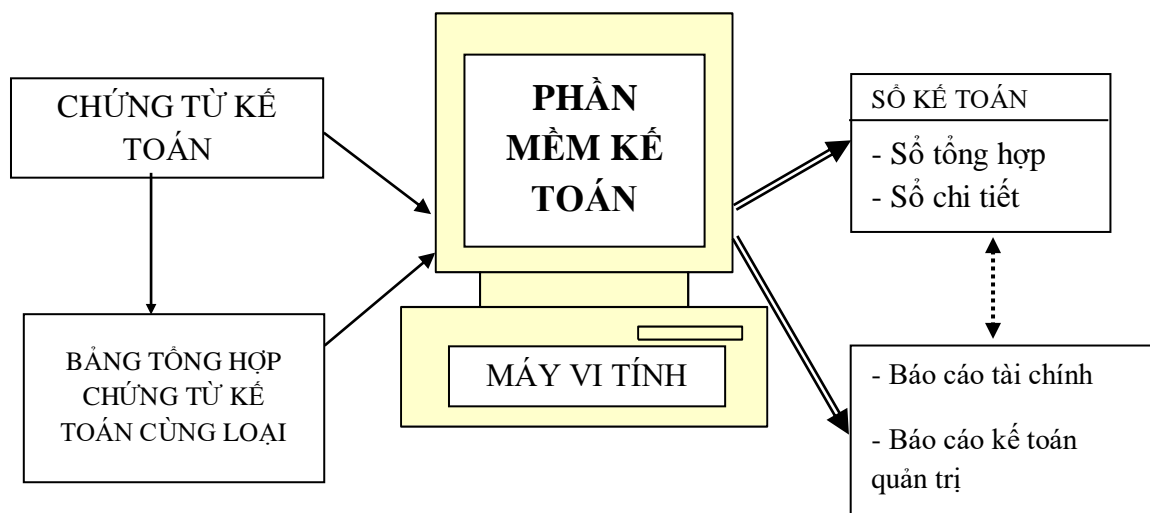
định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(b) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay



Sơ đồ 3.2: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

Ghi chú:

- ====> **Nhập số liệu hàng ngày**
- ◄-----> **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm**
- > **Đối chiếu, kiểm tra**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán Misa, Fast, LinhQ,...Nhưng đối với những công ty có quy mô nhỏ và vừa lại đa dạng mặt hàng như công ty CP Thương mại Nam Hà em nghĩ công ty nên sử dụng phần mềm kế toán Misa

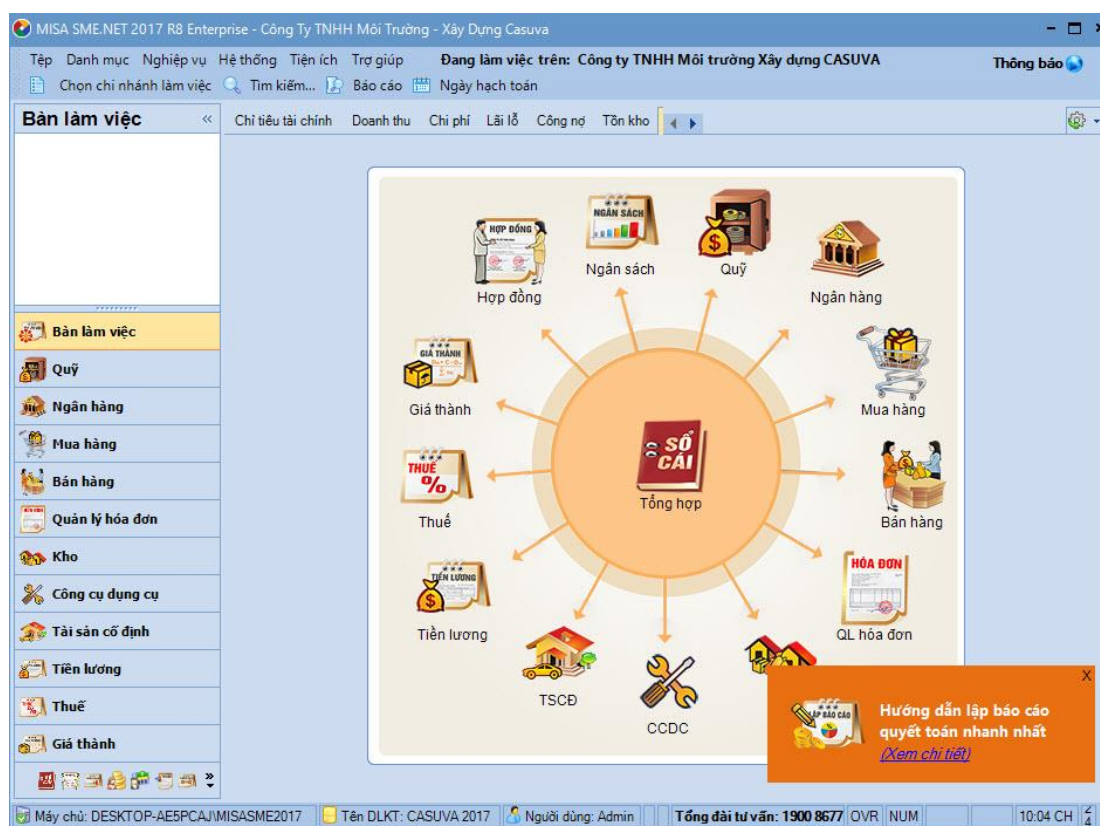
- Phần mềm kế toán Misa: là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

- Giá cả hợp lý giúp tiết kiệm chi phí đầu tư cho doanh nghiệp

- Giao diện đẹp, đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng: Không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm, MISA luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp, giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình

công việc thực tế tại các doanh nghiệp, rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. Dưới đây là giao diện của mền mền kế toán MISA SME.NET 2017 (Biểu 3.6).

Biểu 3.6 Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017



- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, với mục đích giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều cho phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- ✓ Cập nhật chế độ kế toán mới nhất.
- ✓ Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho doanh nghiệp sản xuất: Giản đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- ✓ Xuất báo cáo thuế theo dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.
- ✓ Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản lý công nợ theo loại, theo thời gian nợ.

- ✓ Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho
- ✓ Phân hệ bán hàng cho phép người sử dụng theo dõi hạch toán và quản lý các chứng từ liên quan đến bán hàng, thành phẩm, dịch vụ. Chức năng sổ chi tiết bán hàng có rất nhiều hữu ích, tiện lợi cho phép người dùng xem được tất cả các sổ chi tiết của từng mặt hàng từ đó việc quản lý các mặt hàng dễ dàng hơn.
- ✓ Về phân hệ kho giúp người dùng khai báo danh mục kho vật tư hàng hóa, CCDC tại doanh nghiệp để theo dõi quản lý vật tư hàng hóa, CCDC theo từng kho.
- ✓ Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập nhanh gấp 3 lần.
- ✓ Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.
- ✓ Chuẩn hóa quy trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không phải lo bị cơ quan thuế phạt vì báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác.
- ✓ Giúp kế toán trưởng có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo, lãnh đạo doanh nghiệp có sẵn báo cáo để ra quyết định kịp thời.
- ✓ Đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, lãnh đạo doanh nghiệp luôn được cung cấp số liệu báo cáo nhanh chóng và dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng chi nhánh.
- ✓ Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Nam Hà” đã giải quyết được những vấn đề sau:

- **Về mặt lý luận:** Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **Về mặt thực tiễn:**
 - Đề tài đã phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại Nam Hà.
 - Sử dụng số liệu thực tế năm 2016 của công ty CP Thương mại Nam Hà để chứng minh cho các lập luận nêu trên.
 - **Về kiến nghị:** Đề tài đã nêu lên một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty CP Thương mại Nam Hà.
 - *Ý kiến thứ nhất : Công ty nên mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận của từng mặt hàng*
 - *Ý kiến thứ hai: Công ty nên hạch toán một số tài khoản theo đúng quy trình hạch toán*
 - *Ý kiến thứ ba: Công ty nên tìm cách đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu*
 - *Ý kiến thứ tư: Công ty nên hạch toán tiền thuế GTGT của các khoản phí chuyển tiền*
 - *Ý kiến thứ 5: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán*

Do thời gian thực tập có hạn và vốn kiến thức của bản thân còn hạn hẹp nên em chưa xác định được lợi nhuận thuần của từng mặt hàng. Kính mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Anh